

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I – NĂM HỌC 2025 – 2026
MÔN TOÁN 10

Học vấn môn học		Năng lực toán học								
Chủ đề	Nội dung	NL tư duy và lập luận toán học			NL giải quyết vấn đề toán học			NL mô hình hóa toán học		
		Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy		
		Nhận Biết	Thông Hiểu	VD	Nhận Biết	Thông Hiểu	VD	Nhận Biết	Thông Hiểu	VD
Mệnh đề và tập hợp	Tập hợp và các phép toán trên tập hợp	TN1	TN2							
Bất phương trình và hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn	Bất phương trình bậc nhất hai ẩn	TN3								
	Hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn		TN4							
Hàm số bậc hai và đồ thị	Hàm số và đồ thị	TN5			TL1a (0.5đ)		TL1b (0.5đ)			
	Hàm số bậc hai	TN6								TL2 (1đ)
Hệ thức lượng trong tam giác	Định lí cosin và định lí sin	TN7								
	Giải tam giác và ứng dụng thực tế		TN8							
Véc-tơ	Khái niệm véc-tơ	TN9								
	Tổng và hiệu của hai véc-tơ		TN10							
	Tích một số và một véc-tơ	TN11								
	Tích vô hướng hai véc-tơ		TN12						TL3a (0,5đ)	TL3b (0,5đ)

Trắc nghiệm Đ-S	Câu 1: - Cho tập hợp (liệt kê được). - Cho hai tập con của tập số thực.	Đ-S 1a Đ-S 1b	Đ-S 1c Đ-S 1d								
	Câu 2: Cho hàm số bậc hai có công thức/bảng biến thiên của hàm số bậc hai/đồ thị của một hàm số				Đ-S 2a Đ-S 2b	Đ-S 2c Đ-S 2d					
	Câu 3: Cho tam giác có độ dài 2 cạnh, 1 góc giữa hoặc 2 góc 1 cạnh hoặc 3 cạnh. Tính các yếu tố còn lại.	Đ-S 3a Đ-S 3b	Đ-S 3c	Đ-S 3d							
	Câu 4: Cho hình vuông/hình chữ nhật/tam giác đều				Đ-S 4a Đ-S 4b	Đ-S 4c	Đ-S 4d				
Tổng		11	8	1	5	3	2		1	1	
Tỉ Lệ		22,5%	22,5%	5%	10%	10%	10%		5%	15%	

MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I – NĂM HỌC 2025 – 2026

MÔN TOÁN 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

Học vấn môn học			Năng lực toán học								
Chủ đề	Nội dung	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	NL tư duy và lập luận toán học			NL giải quyết vấn đề toán học			NL mô hình hóa toán học		
			Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy		
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
Mệnh đề và tập hợp	Tập hợp và các phép toán trên tập hợp	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê các phần tử tập hợp - Thực hiện các phép toán trên tập hợp (cho sẵn tập hợp dưới dạng liệt kê các phần tử). - Dùng kí hiệu khoảng, đoạn, nửa khoảng để viết lại tập hợp con của tập số thực. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định tập con, số tập con của một tập hợp. - Thực hiện các phép toán trên tập hợp (tập con của R). - Thực hiện phép toán trên tập hợp chưa liệt kê. - Bài toán xác định số tập hợp con thoả mãn điều kiện cho trước. <p>...</p>	TN1	TN2							
Bất phương trình và hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn	Bất phương trình và hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện các dạng bất phương trình bậc nhất hai ẩn và hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn. - Xác định 1 nghiệm của bất phương trình bậc nhất hai ẩn và nghiệm hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn trong tìm giá trị lớn nhất/nhỏ nhất 	TN3	TN4							

		...									
Hệ thức lượng trong tam giác	Định lí cosin, định lí sin, giải tam giác	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết các công thức về định lí cosin, định lí sin, hệ quả của định lí cosin, các công thức tính diện tích tam giác. - Dùng công thức của định lí sin, định lí cosin để tính các yếu tố chưa biết của tam giác trong trường hợp đơn giản. - Tính diện tích tam giác. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính cạnh, góc của tam giác khi biết một số yếu tố của tam giác. - Tính các yếu tố khác của tam giác như bán kính đường tròn nội tiếp, bán kính đường tròn ngoại tiếp, đường cao. - Bài toán thực tế. <p>...</p>	TN7	TN8							
Véc-tơ	Khái niệm véc-tơ	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số khái niệm cơ bản về véc-tơ. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định hai véc-tơ bằng nhau, hai véc-tơ cùng phương, cùng hướng từ hình cho trước. 	TN9								
	Tổng, hiệu hai véc-tơ và tích một số với một véc-tơ	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy tắc 3 điểm, quy tắc hình bình hành. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các bài toán thực tế liên quan đến véc-tơ. - Tính độ dài véc-tơ tổng/hiệu (vẽ thêm, dùng hệ thức lượng) <p>...</p>	TN10, 11								

	Tích vô hướng hai véc-tơ	Thông hiểu - Tính tích vô hướng của hai véc-tơ. - Tính góc giữa hai véc-tơ. - Bài toán thực tế ứng dụng tích vô hướng của hai véc-tơ. ...		TN12						TL3a (0,5d)	TL3 b (0,5 d)
Trắc nghiệm Đ-S	Câu 1: - Cho tập hợp (liệt kê được). - Cho hai tập con của tập số thực.	Đ-S 1a Đ-S 1b	Đ-S 1c Đ-S 1d								
	Câu 2: Cho hàm số bậc hai có công thức/bảng biến thiên của hàm số bậc hai/đồ thị của một hàm số				Đ-S 2a Đ-S 2b	Đ-S 2c Đ-S 2d					
	Câu 3: Cho tam giác có độ dài 2 cạnh, 1 góc giữa hoặc 2 góc 1 cạnh hoặc 3 cạnh. Tính các yếu tố còn lại.	Đ-S 3a Đ-S 3b	Đ-S 3c	Đ-S 3d							
	Câu 4: Cho hình vuông/ hình chữ nhật/tam giác đều				Đ-S 4a Đ-S 4b	Đ-S 4c	Đ-S 4d				
Tổng		11	8	1	5	4	2		1	1	
Tỉ Lệ		22,5%	22,5%	5%	10%	19%	10%		10%	15%	

MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

MÔN NGỮ VĂN 10 - Thời gian: 90 phút

I. MỤC ĐÍCH KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ:

- Kiến thức:** Đánh giá mức độ đạt chuẩn về năng lực Ngữ văn trình độ lớp 10 (CT Ngữ văn 2018).
- Kĩ năng:** **Đọc hiểu văn bản thơ theo đặc trưng thể loại và tạo lập văn bản viết bài** văn nghị luận phân tích đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ để làm bài kiểm tra trong thời gian 90 phút.
- Thái độ:** Đánh giá thái độ học tập và nhận thức của học sinh.
- Đánh giá các năng lực hình thành qua kiến thức và kĩ năng:** Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tạo lập văn bản, năng lực ngôn ngữ, năng lực cảm thụ thẩm mỹ.

II. XÁC ĐỊNH CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG:

- Kiến thức phần Đọc:** Đọc một văn bản thơ
- Kiến thức phần Viết:** Viết bài văn nghị luận phân tích đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ

III. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA:

- Hình thức:** Tự luận; Khuyến khích GV đa dạng hoá hình thức đề (chẳng hạn, có thể kẻ bảng, vẽ một sơ đồ tư duy, cho hình ảnh hay một vài thông tin minh hoạ để làm rõ ý tưởng của đề, định hướng HS trả lời câu hỏi,...)
- Cách thức tổ chức kiểm tra:** Học sinh làm bài kiểm tra tập trung trong 90 phút.

IV. THIẾT LẬP KHUNG MA TRẬN:

STT	Kĩ năng	Nội dung Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc	Đọc hiểu văn bản thơ	0	2	0	2	0	1	0	0	6,0
2	Viết	Viết bài văn nghị luận phân tích đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ	0	1	0	1	0	2	0	1	4,0
Tổng			0	30	0	30	0	30	0	10	10,0
Tỉ lệ %			30%		30%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

V. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi/ số điểm theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng Cao
I. ĐỌC	VĂN BẢN THƠ (Văn bản ngoài chương trình)	<u>Nhận biết:</u> - Xác định được thể thơ và chủ thể trữ tình - Nhận biết một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp.	2			
		<u>Thông hiểu</u> - Hiểu và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ. - Phân tích, đánh giá được tình cảm, cảm xúc; cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua văn bản.		2		
		<u>Vận dụng</u> Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm/ vấn đề đặt ra trong tác phẩm.			1	
Tổng	6,0		Số điểm: 2,0	Số điểm: 2,5	Số điểm: 1,5	Số điểm: 0,0
II. VIẾT	Viết văn bản nghị luận phân tích đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về hình	<u>Nhận biết:</u> - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận. - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận. - Giới thiệu được vấn đề. - Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận.				
		<u>Thông hiểu:</u>				

Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi/ số điểm theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng Cao
thức nghệ thuật của bài thơ		- Phân tích, đánh giá được chủ đề bài thơ. - Phân tích, đánh giá một số nét đặc sắc nghệ thuật bài thơ. - Thể hiện được suy nghĩ, cảm nhận của người viết về bài thơ. - Biết triển khai vấn đề nghị luận phù hợp. Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic cho luận điểm. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.				
		<u>Vận dụng:</u> - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của văn bản đối với người đọc - Nêu được những cảm nhận của bản thân				
		<u>Vận dụng cao:</u> - Có khả năng lí giải vấn đề sâu sắc - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, có phong cách riêng.				
Tổng	4,0		<i>Số điểm</i> 0,5	<i>Số điểm</i> 1,0	<i>Số điểm</i> 2,0	<i>Số điểm</i> 0,5
I + II	10,0		2,5	3,5	3,5	0,5

MA TRẬN ĐẶC TẢ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN TIẾNG ANH KHỐI 10 NĂM HỌC 2025-2026

Thời gian làm bài: 60 phút

Hình thức: Trắc nghiệm khách quan có 4 lựa chọn + Nghe + Tự luận

STT	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC						Tổng số câu	
		NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		TN	TL
		TN	TL	TN	TL	TN	TL		
1.	Listening for specific information		3		2			0	5
2.	Wordform		2				1	0	3
3.	Sentence combination (since, conditional types)		1				1	0	2
4.	Verb tenses (expressing futurity, present perfect)		2					0	2
5.	Have/ has been to vs have/ have gone to				1			0	1
6.	Sentence transformation (past simple ⇔ present perfect)						2	0	2
7.	Complete an announcement/ advertisement	4		2				6	0
8.	Complete a leaflet/ flyer	3		1		2		6	0
9.	Utterance arrangement	1				1		2	0
10.	Letter / email arrangement					1		2	0
11.	Paragraph arrangement	1				1		2	0
12.	Closest in meaning			2				2	0
13.	Word choice			1		1		2	0
14.	Opposite in meaning	1		1				2	0
15.	Cloze text	1		2		2		5	0
16.	Reading comprehension	1		3		3		7	0
TỔNG		12	8	12	3	11	4	35	15
TỈ LỆ		40%		30%		30%			

	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Biết	Hiểu	Vận dụng
PHẦN NGHE + TỰ LUẬN						
1.	Nghe	Nghe thông tin chi tiết	Biết - Nghe được các thông tin về hoạt động, người tham gia, thời gian, số lượng, nơi chốn, ... Hiểu - Dự đoán thông tin cần điền; nghe hiểu và chọn đúng thông tin.	3 TN	2 TN	
2.	Viết (Tự luận)	Từ loại	Biết Xác định từ loại dựa vào trật tự trong câu. 1. protect – protective – protection 2. medicine – medical 3. tradition – traditional – traditionally 4. determine – determined - determination Vận dụng Xác định từ loại dựa vào trật tự trong câu, kết hợp dịch nghĩa 5. educate – education/ educator/ educational/ educated 6. fame – famous/ infamous 7. nation – national/ international	2 TL		1 TL
3		Nói câu	Biết 1. Kết hợp hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn Vận dụng 2. Conditional type 2	1 TL		1 TL
4		Chia động từ	Biết 1. expressing futurity 2. Hiện tại hoàn thành Hiểu 3. have been to/ have gone to	2 TL	1 TL	
5		Biến đổi câu	Vận dụng 1. Past simple → Present perfect 2. Cấu trúc đưa ra lời khuyên			2 TL

PHẦN TRẮC NGHIỆM

6.	ĐỌC ĐIỀN TỪ	QUẢNG CÁO (chủ điểm unit 3-4)	Biết - <u>Thì của động từ (unit 1-4)</u>	1		
			Biết - Từ hạn định	1		
			Biết - Giới từ <u>(unit 1-4)</u>	1		
			Hiểu - Từ vựng (chủ điểm unit 3-4)		1	
			Biết - Đại từ quan hệ/ trạng từ quan hệ	1		
			Hiểu - Từ vựng (chủ điểm unit 3-4)		1	
7		TỜ THÔNG TIN (leaflet, flyer)	Biết - Tính từ sở hữu - Possessive adjectives	1		
			Vận dụng - Cụm động từ			1
			Vận dụng - Từ vựng			1
			Biết - Cụm từ cố định	1		
			Biết - Từ diễn đạt thời gian (present simple/past simple/ present continuous/ present perfect)	1		
			Hiểu - Liên từ		1	
8.		HỘI THOẠI	Biết sắp xếp đoạn hội thoại 3 câu (asking and giving opinion about jobs/ charitable work)	1		
9		HỘI THOẠI	Vận dụng sắp xếp đoạn hội thoại 5 câu (making suggestion : do charity)			1

10	SẮP XẾP TRẬT TỰ CÂU	LÁ THƯ/ MAILS	Vận dụng sắp xếp 5 câu trong lá thư (a charity event)			1
11		ĐOẠN VĂN	Biết Sắp xếp 5 câu đoạn văn (describing a specific job)	1		
12		ĐOẠN VĂN	Biết sắp xếp đoạn hội thoại 3 câu (asking and giving opinion about jobs/ charitable work)			1
13	TỪ VỰNG	TỪ ĐỒNG NGHĨA	Đồng nghĩa Hiểu - <i>be short for = stand for</i> - <i>purpose = aim</i>		2	
14		TỪ VỰNG TRONG NGỮ CẢNH	Hiểu - So sánh sự khác nhau về nghĩa của các từ, từ đó chọn đúng từ hợp nghĩa với ngữ cảnh: 1. jobs (nurse, pilot, politician, computer programmer) 2. jobs (plumber, flight attendant, astronaut, nursery teacher) 3. donate/ sell/ organise/ volunteer 4. salary/ wage/ income/ fine Vận dụng - Làm rõ sự khác nhau về cách sử dụng giữa các từ có nghĩa / hình thức viết gần giống nhau; từ đó chọn đáp án thích hợp với ngữ cảnh: 5. fill in/ fill out/ give away/ give out 6. set up/ look after/ put on/ put up 7. viewer/ spectator/ watcher/ audiences	1	3	3
15	NGỮ PHÁP	TỪ TRÁI NGHĨA	TRÁI NGHĨA Biết 1. better # worsen 2. equality # injustice Hiểu 3. private givers # public donors 4. obscurity # fame	1		1
16		ĐỌC HIỂU ĐOẠN VĂN (7 Qs)	Biết - Xác định được thông tin trong bài đọc bằng cách sử dụng <i>từ khóa (key word)</i> ; từ đó tìm ra thông tin đúng theo bài đọc. Hiểu - Xác định <i>đại từ</i> được đề cập dựa vào các danh từ đứng trước. - Diễn giải ngữ cảnh trong bài đọc; từ đó dự đoán được <i>nghĩa của từ vựng được gạch chân</i> .	1		1

			- Dựa vào chi tiết bài đọc, xác định thông tin đưa ra là đúng / không đúng . Vận dụng - Xác định thông tin không được đề cập/ ngoại trừ . - Nội dung chính đoạn văn. - Suy luận thông tin bài đọc		1 1	3
Tổng câu trắc nghiệm: 35 câu				12	12	11
Điểm trắc nghiệm: 7 điểm (0.2 điểm / câu)				2.4	2.4	2.2
Tổng câu tự luận: 15 câu (Nghe: 5 câu + Viết: 10 câu)				8	3	4
Điểm tự luận: 3 điểm (Nghe: 0.2 điểm / câu + Viết: 0.2 điểm / câu)				1,6	0,6	0,8
TỶ LỆ %				40	30	30

*Các câu hỏi từ vựng, ngữ pháp trong ngữ cảnh bài đọc có thể linh hoạt theo nội dung đoạn văn, nhưng đảm bảo mức độ và nội dung có trong unit 3,4.

MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ NỘI DUNG THEO NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

Môn: **Vật lí 10** – **Kì kiểm tra cuối học kì I**

Năm học: 2025-2026

1. MA TRẬN

STT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Cấp độ tư duy - Mức độ đánh giá									Tổng số câu		Điểm số		
			PHẦN I (16 câu TN)			PHẦN II (12 câu TN ĐS)			PHẦN III (Tự luận 3 câu)			TL	TN		Tổng	
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		
1	I. ĐỘNG HỌC	Độ dịch chuyển và quãng đường đi được	1 (C1)	1 (C2)									0	2	0,5	
		Tốc độ và vận tốc	1 (C3)	1 (C4)										0	2	0,5
		Đồ thị độ dịch chuyển – thời gian	1 (C5)		1 (C6)									0	2	0,5
		Chuyển động biến đổi – Gia tốc	1 (C7,8)			2 (1a, b)	1 (1c)	1* (1d)						0	6	1,5
		Chuyển động thẳng biến đổi đều				1 (2a)	1 (2b)	2 (2c, d)	(2a)		(2b)			1	4	2
		Sự rơi tự do	1 (C9)		1 (C10)									0	2	0,5
		Chuyển động ném				1 (3a)	2 (3b, c)	1* (3d)		(3a)	(3b)			1	4	2,0
	II. ĐỘNG LỰC HỌC	Tổng hợp và phân tích lực. Cân bằng lực	1 (C11)	1 (C12)										0	2	0,5
		Định luật 1 Newton		1 (C13)	1 (C14)									0	2	0,5
		Định luật 2 Newton	1 (C15)		1 (C16)					(1a)	(1b)			1	2	1,5
2	Số câu TN/ Số ý TL (Số YCCĐ)		8TN	4TN	4TN	4TN	4TN	4TN	TLC1- C2- C3			3	28			
3	Tổng số điểm		4,0 điểm			3,0 điểm			3,0 điểm					10 điểm		

+ (*) là vận dụng cao.

+ **Phần 1:** 16 câu (16LT) – 4,0 điểm

+ **Phần 2:** 3 câu TN – 12 ý (09 ý lý thuyết + 03 ý bài tập)

+ **Phần 3:** 3 câu Tự Luận – 3,0 điểm

ĐỊNH HƯỚNG TỰ LUẬN KHỐI 10

Bài tập 1: Bài toán định luật II Newton

Đặc điểm nhận dạng:

Các bài toán yêu cầu áp dụng Định luật II Newton để tính **gia tốc** và **vận tốc** của vật khi **chịu tác dụng của lực trong một khoảng thời gian**. Thường cho các đại lượng như: **lực tác dụng F** , **khối lượng vật m** , có thể kèm **thời gian tác dụng t** và **vận tốc ban đầu v_0** .

a) Tìm **gia tốc** của chuyển động từ hệ thức $F = m.a$.

b) Dùng các công thức của chuyển động thẳng biến đổi đều để giải các yêu cầu còn lại của bài toán.

Bài tập 2: Đọc và phân tích đồ thị vận tốc – thời gian ($v - t$)

Đặc điểm nhận dạng:

Yêu cầu học sinh vẽ đồ thị biểu diễn sự phụ thuộc của vận tốc theo thời gian. Dựa vào hình, học sinh cần mô tả chuyển động, xác định độ dịch chuyển, quãng đường và tính gia tốc trên từng giai đoạn.

Dạng 1:

a) Yêu cầu học sinh vẽ hình.

b) Tính **độ dịch chuyển** hoặc **quãng đường** vật đi được trong từng giai đoạn.

Dạng 2:

a) Mô tả chuyển động của vật.

b) Tính **gia tốc** chuyển động trong từng khoảng thời gian.

Bài tập 3: Bài toán chuyển động ném ngang

Đặc điểm nhận dạng:

Vật được ném theo phương ngang từ một độ cao h nào đó (ví dụ: thả hàng từ máy bay, ném đá từ tháp cao...). Bỏ qua sức cản không khí. Cho các thông số như vận tốc ban đầu, độ cao, gia tốc rơi tự do.

Dạng 1:

a) Tìm **thời gian** vật chạm đất.

b) Tính **vận tốc** của vật ở thời điểm xác định.

Dạng 2:

a) Tìm **tầm ném xa** của vật.

b) Tính **vận tốc** của vật khi **chạm đất**.

2. KHUNG BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: VẬT LÝ; LỚP: 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra đánh giá.	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	I. ĐỘNG HỌC	Độ dịch chuyển và quãng đường đi được	<p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Định nghĩa được độ dịch chuyển. - Nhận biết được độ dịch chuyển và quãng đường đi được trên hình vẽ hoặc trong các tình huống đơn giản. <p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được sự khác nhau giữa độ dịch chuyển và quãng đường đi được, hiểu được ý nghĩa từng đại lượng. 	1 (C1)	1 (C2)	
		Tốc độ và vận tốc	<p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết tốc độ tức thời là tốc độ tại một thời điểm xác định; nhận biết được tốc độ do tốc kế chỉ là tốc độ tức thời. - Biết cách đo tốc độ trong đời sống và trong phòng thí nghiệm. - Phát biểu được định nghĩa vận tốc và viết được công thức tính vận tốc. <p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được tốc độ và vận tốc. 	1 (C3)	1 (C4)	
		Đồ thị độ dịch chuyển – thời gian	<p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được các trục, đơn vị và ý nghĩa của các đại lượng trên đồ thị chuyển động. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được đặc điểm chuyển động (nhận dần, chậm dần, thẳng đều...) từ đồ thị của chuyển động. 	1 (C5)		1 (C6)
		Chuyển động biến đổi – Gia tốc	<p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu được định nghĩa gia tốc, viết được công thức tính gia tốc và nêu được đơn vị của gia tốc. - Tìm được ví dụ về các dạng chuyển động biến đổi (nhận dần, chậm dần). - Tính được gia tốc. <p>Hiểu:</p>	1 (C7,8) 2 (ĐSC1a, b)	1 (ĐSC1c)	1* (ĐSC1d)

		<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được chuyển động nhanh dần và chậm dần dựa vào dấu của vận tốc và gia tốc; giải thích được ý nghĩa của gia tốc trong các chuyển động. - Làm được các bài tập đơn giản về gia tốc. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm được các bài tập vận dụng về gia tốc (tính vận tốc, quãng đường theo công thức chuyển động biến đổi đều). 			
	Chuyển động thẳng biến đổi đều	<p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được độ lớn của gia tốc trong chuyển động thẳng biến đổi đều là hằng số. - Viết được công thức tính vận tốc của chuyển động thẳng biến đổi đều. - Nhớ được các công thức của chuyển động thẳng biến đổi đều. - Vẽ được đồ thị vận tốc – thời gian của chuyển động thẳng biến đổi đều và hiểu được ý nghĩa của các đại lượng trên đồ thị. <p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được mối liên hệ giữa vận tốc, gia tốc, thời gian và quãng đường trong chuyển động thẳng biến đổi đều. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được gia tốc, độ dịch chuyển, quãng đường đi được từ đồ thị vận tốc – thời gian; mô tả được chuyển động dựa trên đồ thị. - Vận dụng đúng các công thức của chuyển động thẳng biến đổi đều để giải các bài toán tính toán liên quan. 	<p>1 (ĐSC2a) 0.5 (TLC2a)</p>	<p>1 (ĐSC2b)</p>	<p>2 (ĐSC2c, d) 0.5 (TLC2b)</p>
	Sự rơi tự do	<p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu được thế nào là sự rơi tự do. - Nêu được các đặc điểm của chuyển động rơi tự do (gia tốc rơi tự do, hướng rơi, dạng chuyển động...). <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng kiến thức về rơi tự do để giải quyết một số vấn đề trong thực tế liên quan đến sự rơi của vật. 	<p>1 (C9)</p>		<p>1 (C10)</p>

		Chuyển động ném	<p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách phân tích chuyển động ném thành hai chuyển động thành phần vuông góc với nhau. <p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và giải thích được mối liên hệ giữa các chuyển động thành phần để mô tả chuyển động ném tổng hợp. - Viết được các phương trình của chuyển động thành phần. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng kiến thức đã học để tìm hiểu và mô tả đặc điểm của các chuyển động thành phần trong chuyển động ném. - Vận dụng kiến thức về chuyển động ném để giải bài tập và xử lí các tình huống thực tế đơn giản (xác định tầm bay, độ cao, thời gian rơi...). 	1 (ĐSC3a)	1* (ĐSC3d) 0.5 (TLC3a)	1* (ĐSC3d) 0.5 (TLC3b)
2	II. ĐỘNG LỰC HỌC	Tổng hợp và phân tích lực. Cân bằng lực	<p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm về các lực cân bằng và không cân bằng. - Phát biểu được quy tắc hình bình hành lực. <p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được hình biểu diễn quy tắc hình bình hành lực. - Dùng hình vẽ để phân tích một lực thành hai lực thành phần vuông góc với nhau; giải thích được ý nghĩa của việc phân tích lực. 	1 (C11)	1 (C12)	
		Định luật 1 Newton	<p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được rằng lực không phải là yếu tố cần thiết để duy trì chuyển động của các vật. - Hiểu được định luật I Newton. - Hiểu được quán tính là tính chất của mọi vật, thể hiện ở xu hướng bảo toàn vận tốc (hướng và độ lớn). <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng kiến thức về quán tính và định luật I Newton để giải quyết các tình huống thực tiễn đơn giản. 		1 (C13)	1 (C14)
		Định luật 2 Newton	<p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu được định luật II Newton và viết được công thức $F = ma$. - Nêu được trọng lực tác dụng lên vật là lực hấp dẫn của Trái Đất đặt vào vật. - Nêu được trọng lượng (độ lớn của trọng lực) được tính bằng công thức $P = mg$. 	1 (C15) 0.5 (TLC1a)	0.5 (TLC1a)	1 (C16)

		<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khối lượng là đại lượng đặc trưng cho mức quán tính của vật. - Tính được gia tốc bằng công thức $F = m.a$ <p>Hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được ý nghĩa của trọng lượng và khối lượng, phân biệt được hai đại lượng trong các tình huống thực tế. - Giải thích được mối liên hệ giữa lực – khối lượng – gia tốc trong định luật II Newton. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được định luật II Newton để giải các tình huống thực tiễn 			
Tổng số câu			12TN 1 TL	8TN 1 TL	8TN 1TL
Tổng số điểm			4,0	3,0	3,0

**KHUNG MA TRẬN NỘI DUNG (CHỦ ĐỀ) – THÀNH PHẦN NĂNG LỰC – CẤP ĐỘ TƯ DUY
CỦA ĐỀ CUỐI HỌC KÌ I LỚP 10– MÔN HÓA HỌC - NĂM HỌC 2025-2026**

- **Phần dạng thức I (trắc nghiệm nhiều lựa chọn):** 16 câu (4 điểm)
- **Phần dạng thức II (trắc nghiệm Đ/S):** 3 câu (3 điểm)
- **Phần dạng thức III (Câu hỏi trả lời ngắn):** 3 câu (3 điểm)
- **Trong mỗi ô có 3 thông tin:**
 1. Hay 2. Hay 3. là phần mã hóa năng lực nhận thức.

Chủ đề	SỐ LỆNH HỎI																								Tổng
	Nhận thức hóa học											Tìm hiểu TGTN							Vận dụng kiến thức						
	Biết		Hiểu					Vận dụng				Biết		Hiểu			Vận dụng		Vận dụng						
	1.1	1.2	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.5	1.6	1.7	1.8	2.1	2.1	2.2	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	3.3	3.4	3.5		
Cấu tạo nguyên tử	2		2				4																	8	
Bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học	2		2									4												8	
Liên kết hóa học	8		2		4			2											2					18	
TPNL	HH1. NHẬN THỨC HÓA HỌC											HH2. TÌM HIỂU TGTN							HH3. VẬN DỤNG KT-KN						
	28											4							2						
	82,3%											11,8%							5,9%						
Cấp độ	BIẾT											HIỂU							VẬN DỤNG						
	12											14							8						
	35,3%											41,2%							23,5%						

**MA TRẬN NỘI DUNG (CHỦ ĐỀ) – THÀNH PHẦN NĂNG LỰC – CẤP ĐỘ TƯ DUY
CỦA ĐỀ CUỐI KÌ I LỚP 10 – MÔN HÓA HỌC - NĂM HỌC 2025-2026**

Tỉ lệ dạng thức 5:3:2 (Tương ứng với 36 lệnh hỏi: 20B – 12H – 4VD)

- **Phần dạng thức I (trắc nghiệm nhiều lựa chọn):** 16 câu (4 điểm) gồm 12 câu Biết (B) và 4 câu Hiểu (H)
- **Phần dạng thức II (trắc nghiệm Đ/S):** 3 câu (3 điểm) gồm 4 ý B ; 4 ý H và 4 ý Vận dụng (VD)
- **Phần dạng thức III (Câu hỏi trả lời ngắn):** 3 câu (3 điểm) gồm 4 ý B, 2 ý H và 2 ý VD
- **Trong mỗi ô có 3 thông tin:**

(1) I, II, III ... là phần dạng thức trong đề thi (Ví dụ: I.1 là dạng thức I , câu số 1)

(2) HH...là (Mã hoá chỉ báo được đánh giá).

CHỦ ĐỀ	Số lệnh hỏi	Yêu cầu cần đạt	THÀNH PHẦN NĂNG LỰC HOÁ HỌC									
			Nhận thức hoá học			Tìm hiểu TGTN dưới góc độ hoá học			Vận dụng KT, KN đã học			
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
Cấu tạo nguyên tử	24	<p>B - Nêu được điện tích, khối lượng mỗi loại hạt.</p> <p>- Nêu được khái niệm nguyên tố hóa học, đồng vị.</p> <p>- Trình bày được số hiệu nguyên tử</p> <p>- Trình bày được kí hiệu nguyên tử.</p> <p>H - Xác định được cấu hình electron nguyên tử theo lớp, phân lớp electron và theo ô orbital, nguyên tố s,p và tính chất khi biết số hiệu nguyên tử Z của 20</p>	<p>I.1</p> <p>(HH1.1)</p> <p>I.2</p>							<p>III.1a</p> <p>III.1b</p> <p>(HH1.2)</p> <p>)</p>		

		<p>nguyên tố đầu tiên trong bảng tuần hoàn.</p> <p>VD - Tính được nguyên tử khối TB theo amu dựa vào khối lượng nguyên tử phần trăm số lượng nguyên tử của các đồng vị</p> <p>VD- Xác định được đặc điểm cấu hình electron lớp ngoài cùng của nguyên tử dự đoán được tính chất hoá học cơ bản (kim loại hay phi kim) của nguyên tố tương ứng.</p>			<p>II.2a II.2b (HH1.5)</p> <p>II.2c II.2d (HH1.5)</p>					
<p>Bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học</p>	<p>12</p>	<p>B - Mô tả được cấu tạo của bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học. - Nêu được các khái niệm liên quan ô, chu kì, nhóm</p> <p>H - Phân loại được các nguyên tố hóa học (dựa theo cấu hình electron: nguyên tố s, p, d, f; dựa theo tính chất hóa học: kim loại, phi kim, khí hiếm). - Giải thích được xu hướng biến đổi bán kính nguyên tử trong một chu kì, trong một nhóm (nhóm A) (dựa theo lực hút tĩnh điện của hạt nhân với electron ngoài cùng và dựa theo số lớp electron</p>	<p>I.3 (HH1.1)</p> <p>I.4 (HH1.1)</p>				<p>II.1a</p> <p>II.1b</p>			

		<p>tăng trong một nhóm theo chiều từ trên xuống dưới).</p> <p>- Nhận xét và giải thích được xu hướng biến đổi độ âm điện và tính kim loại, phi kim của nguyên tử các nguyên tố trong một chu kì, trong một nhóm (nhóm A).</p> <p>- Nhận xét được xu hướng biến đổi thành phần và tính chất acid/base của các oxide và các hydroxide theo chu kì.</p> <p>B - Trình bày được ý nghĩa của bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học: mối liên hệ giữa vị trí (trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học) với tính chất và ngược lại.</p>					II.1c				
							II.1d (HH2.1)			III.1c III.1d (HH1.2)	
Liên kết hóa học	19	<p>B Trình bày được quy tắc octet.</p> <p>B Trình bày được khái niệm liên kết ion.</p> <p>B Nêu được cấu tạo tinh thể NaCl.</p> <p>H Trình bày được sự hình thành liên kết ion (nêu một số ví dụ điển hình tuân theo quy tắc octet).</p> <p>H Giải thích được vì sao các hợp chất ion thường ở trạng thái rắn trong điều kiện thường (dạng tinh thể ion).</p>	I.5								
			I.6								
			I.7								
				I.13 (HH1.4)				III.2 (HH2.1)			
				I.14 (HH1.4)							

2	Chủ đề 5: Cấu trúc tế bào	Bài 7. Tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực (2 tiết)	4NT1			1NT1	1NT2→5	1TH3→5 1VD2			
		Bài 8. Cấu trúc của tế bào nhân thực (6 tiết)	4NT1	1TH1→2		1NT1	1NT2→5	1NT6→8 1TH3→5			
3	Chủ đề 6: Trao đổi chất và chuyên hóa năng lượng ở tế bào	Bài 9. Trao đổi chất qua màng sinh chất (3 tiết)		2NT2→5						1TH1→2	
		Bài 10. Sự chuyển hóa năng lượng và enzyme (5 tiết)	2NT1	1TH1→2		2NT1	2TH1→2				
		Bài 11. Tổng hợp và phân giải các chất trong tế bào (3 tiết)	1NT1								1VD2
4	Chủ đề 7: Thông tin tế bào, chu kì tế bào và phân bào	Bài 12. Thông tin giữa các tế bào (1 tiết)	1NT1								
Tổng số câu			12	4	0	1	1	1	0	1	2
Tổng số điểm			(I): 3,0 đ	(II): 1,0 đ	(III): 0,0 đ	(IV): 1,0 đ	(V): 1,0 đ	(VI): 1,0 đ	(VII): 0,0 đ	(VIII): 1,0 đ	(IX): 2,0 đ
Tổng số câu/điểm từng định dạng			16 câu / 4.0 điểm			3 câu/ 3.0 điểm			3 câu/ 3.0 điểm		
Tổng từng mức độ nhận thức:			Nhận biết: I(12)+IV(1)+VII(0) = 4,0 đ			Thông hiểu: II(4)+V(1)+VIII(1) = 3,0 đ			Vận dụng: III(0)+VI(1)+IX(1) = 3,0 đ		

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: SINH HỌC 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

Chủ đề	Đơn vị KT	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Dạng thức		
			NLC	Đ/S	Tự luận
Chủ đề 4: Cấu trúc của tế bào	Bài 6: Các phân tử sinh học	Thông hiểu: - Tính được các đại lượng cơ bản của nucleid acid.			1TH3→5
Chủ đề 5: Cấu trúc tế bào	Bài 7. Tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực	Nhận biết: - Nêu được các đặc điểm cấu tạo cơ bản của tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực. - Trình bày được sự khác nhau về cấu trúc giữa tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực. - Xác định được vị trí của nhân, màng sinh chất và tế bào chất trong tế bào. Thông hiểu: - Giải thích được vì sao tế bào nhân sơ có kích thước nhỏ hơn tế bào nhân thực. - Phân tích được vai trò của nhân và bào quan trong hoạt động sống của tế bào. - Hiểu được mối quan hệ giữa cấu trúc và chức năng của các thành phần trong tế bào.	4NT1	1NT1 1NT2→5 1TH3→5 1VD2	
	Bài 8. Cấu trúc của tế bào nhân thực	Nhận biết: - Trình bày được cấu trúc tổng quát của tế bào nhân thực. - Nêu tên và vị trí các bào quan chính như nhân, ti thể, lưới nội chất, bộ máy Golgi, Lysosome, ribosome. - Mô tả được đặc điểm của màng sinh chất, tế bào chất và nhân. Thông hiểu: - Giải thích được vai trò của từng bào quan trong hoạt động sống của tế bào.	4NT1 1TH1→2	1NT1 1NT2→5 1NT6→8 1TH3→5	

		<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được mối liên hệ giữa cấu trúc và chức năng của các bào quan. - So sánh được tế bào động vật và tế bào thực vật dựa trên đặc điểm cấu tạo. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng kiến thức để giải thích hiện tượng sinh học liên quan đến chức năng của các bào quan bên trong tế bào. - Liên hệ thực tế trong ứng dụng sinh học tế bào (nuôi cấy tế bào, tách nhân, sản xuất protein tái tổ hợp). 			
Chủ đề 6: Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở tế bào	Bài 9. Trao đổi chất qua màng sinh chất	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các hình thức vận chuyển các chất qua màng sinh chất: khuếch tán, thẩm thấu, vận chuyển chủ động, nhập bào và xuất bào. - Trình bày được vai trò của màng sinh chất trong việc trao đổi chất giữa tế bào và môi trường. - Mô tả được cấu tạo cơ bản của màng sinh chất theo mô hình khảm động. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được cơ chế khuếch tán và thẩm thấu dựa trên chênh lệch nồng độ. - Phân tích được vai trò của protein màng trong các hình thức vận chuyển chủ động. - Hiểu được ý nghĩa sinh học của quá trình trao đổi chất qua màng đối với sự sống của tế bào. 	2NT2→5		1TH1→2
	Bài 10. Sự chuyển hóa năng lượng và enzyme	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm năng lượng và các dạng năng lượng cơ bản (động năng, thế năng, hóa năng, nhiệt năng). - Mô tả được cấu tạo, chức năng của phân tử ATP. - Nêu được khái niệm enzyme (xúc tác sinh học). <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vai trò của enzyme trong quá trình chuyển hóa vật chất và năng lượng. 	2NT1 1TH1→2	2NT1 2TH1→2	

		<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được cơ chế giải phóng và tích lũy năng lượng thông qua quá trình phân giải (thủy phân) và tổng hợp ATP. - Giải thích được các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt tính của enzyme: Nhiệt độ, pH, nồng độ cơ chất và chất ức chế/hoạt hóa. 			
	<p>Bài 11. Tổng hợp và phân giải các chất trong tế bào</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm đồng hóa (tổng hợp) và dị hóa (phân giải). - Nêu được các quá trình tổng hợp chủ yếu trong tế bào (tổng hợp protein, lipid, nucleic acid) - Kể tên được các giai đoạn của quá trình hô hấp tế bào (phân giải glucose): đường phân, chu trình Krebs, chuỗi truyền electron. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được đồng hóa và dị hóa dựa trên năng lượng và bản chất quá trình (tổng hợp/phân hủy) - Trình bày được vị trí xảy ra của các giai đoạn hô hấp tế bào. 	1NT1		1VD2
<p>Chủ đề 7: Thông tin tế bào, chu kì tế bào và phân bào</p>	<p>Bài 12. Thông tin giữa các tế bào</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm thông tin giữa các tế bào là gì. - Kể tên được các hình thức thông tin giữa các tế bào. - Nêu được ba giai đoạn của quá trình truyền thông tin: Tiếp nhận → Truyền tin nội bào → Đáp ứng. - Mô tả được cấu tạo và vị trí của các loại thụ thể (thụ thể màng, thụ thể nội bào) 	1NT1		
		Tổng câu	16	3	3

BẢNG NỘI DUNG THEO NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

Môn: Công nghệ - Lớp 10 – Kỳ kiểm tra cuối học kì I

Năm học: 2025 - 2026

S T T	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng số câu		Điểm số
			PHẦN I (16 câu TN)			PHẦN II (12 câu TN ĐS)			PHẦN III (Tự luận 3 câu)			TL	TN	Tổng
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	ĐẠI CƯƠNG VỀ CÔNG NGHỆ	1. Công nghệ và đời sống.	1	1								0	2	0,5
		2. Hệ thống kĩ thuật.	1	1								0	2	0,5
		3. Công nghệ phổ biến	1	1		1	1					0	4	1,0
		4. Một số công nghệ mới		1	1	1	1					0	4	1,0
		5. Đánh giá công nghệ		1		1	1					0	3	0,75
		6. Cách mạng công nghiệp	1				1			1		1	2	1,5
		7. Ngành nghề kĩ thuật, công nghệ.		1	1	1	1					0	3	0,75
2	VẼ KỸ THUẬT	8. Bản vẽ kĩ thuật và tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kĩ thuật	1		1	1		1		1		1	4	2,0
		9. Hình chiếu vuông góc	1		1	1		1			1	4	2,0	
3	Số câu TN/ Số ý TL (Số YCCĐ)		6TN	6TN	4TN	6TN	4TN	2TN	1TL	1TL	1TL	3	28	
4	Điểm số		1,5	1,5	1,0	1,5	1,0	0,5	1,0	1,0	1,0	3,0	7,0	10,0

S T T	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng số câu		Điểm số
			PHẦN I (16 câu TN)			PHẦN II (12 câu TN ĐS)			PHẦN III (Tự luận 3 câu)			TL	TN	Tổng
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
5	Tổng số điểm		4,0 điểm			3,0 điểm			3,0 điểm			10 điểm		10 điểm

Ghi chú:

+ Các con số trong bảng thể hiện số lượng lệnh hỏi. Mỗi câu hỏi tại phần I và phần III là một lệnh hỏi; mỗi ý hỏi tại Phần II là một lệnh hỏi.

+ (*) ở phần ĐÚNG/SAI là câu có 1 ý d) trong 4 ý là vận dụng cao.

+ **Phần 1:** Trắc nghiệm nhiều lựa chọn: 16 câu TN lý thuyết – 4,0 điểm

+ **Phần 2:** Trắc nghiệm đúng – sai: 3 câu TN – 12 – 3,0 điểm

+ **Phần 3:** 3 câu Tự Luận – 3,0 điểm

**KHUNG BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1
MÔN: CÔNG NGHỆ; LỚP: 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút**

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra đánh giá.	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	ĐẠI CƯƠNG VỀ CÔNG NGHỆ	1. Công nghệ và đời sống.	Biết Nêu được khái niệm về khoa học, kỹ thuật và công nghệ. Nhận biết được mối liên hệ giữa khoa học, kỹ thuật và công nghệ trong đời sống và sản xuất. Hiểu Mô tả được mối quan hệ giữa công nghệ với tự nhiên, con người và xã hội. Giải thích được vai trò của công nghệ trong việc phát triển đời sống và kinh tế xã hội.	1TN	1TN	
		2. Hệ thống kỹ thuật.	Biết Nêu được khái niệm hệ thống kỹ thuật. Nhận biết được các bộ phận cơ bản của một hệ thống kỹ thuật (đầu vào, quá trình, đầu ra, phản hồi).	1TN	1TN	

		<p>Hiểu Trình bày được cấu trúc và mối quan hệ giữa các bộ phận trong hệ thống kỹ thuật. Giải thích được vai trò của từng bộ phận trong hoạt động của hệ thống.</p>			
	3. Công nghệ phổ biến	<p>Biết Kể được tên một số công nghệ phổ biến trong đời sống và sản xuất</p> <p>Hiểu Tóm tắt được nội dung cơ bản, đặc điểm và ứng dụng của một số công nghệ phổ biến. Giải thích được vai trò của các công nghệ này đối với phát triển kinh tế – xã hội.</p>	2TN	2TN	
	4. Một số công nghệ mới	<p>Biết Trình bày được bản chất của công nghệ mới. Nhận biết được một số công nghệ mới hiện nay như: công nghệ nano, công nghệ gen, trí tuệ nhân tạo (AI), in 3D, robot, năng lượng tái tạo,...</p> <p>Hiểu Phân tích được đặc điểm nổi bật của công nghệ mới so với công nghệ truyền thống (về hiệu quả, độ chính xác, tính tự động hóa,...). Giải thích được ý nghĩa và vai trò của công nghệ mới trong sản xuất và đời sống.</p> <p>Vận dụng Vận dụng được hướng ứng dụng của một số công nghệ mới trong thực tế. Liên hệ và nêu ví dụ cụ thể về việc áp dụng công nghệ mới tại địa phương hoặc trong học tập.</p>	1TN	2TN	1TN
	5. Đánh giá công nghệ	<p>Biết Nêu được khái niệm về đánh giá công nghệ. Nhận biết được một số sản phẩm công nghệ phổ biến trong đời sống cần được đánh giá.</p> <p>Hiểu Giải thích được các tiêu chí cơ bản trong đánh giá công nghệ (tính hiệu quả, tính an toàn, tác động môi trường, chi phí, khả năng ứng dụng...). Phân tích được ý nghĩa của việc đánh giá công nghệ đối với phát triển bền vững.</p>	1TN	1TN* 1TN	1TN

		<p>6. Cách mạng công nghiệp</p> <p>Biết Kể tên được các cuộc cách mạng công nghiệp (CMCN 1.0, 2.0, 3.0, 4.0). Nêu được mốc thời gian và một số phát minh tiêu biểu của từng cuộc cách mạng công nghiệp.</p> <p>Hiểu Tóm tắt được nội dung cơ bản, vai trò và đặc điểm nổi bật của các cuộc cách mạng công nghiệp. Giải thích được ảnh hưởng của các cuộc cách mạng công nghiệp đối với đời sống con người và sự phát triển khoa học – công nghệ.</p> <p>Vận dụng Liên hệ được thành tựu của cuộc CMCN 4.0 trong đời sống hiện nay (AI, IoT, robot, công nghệ sinh học, năng lượng sạch...). Phân tích được ý nghĩa của các cuộc cách mạng công nghiệp đối với định hướng nghề nghiệp và phát triển bền vững của xã hội hiện đại.</p>				<p>1TN 1TL</p> <p>1TN</p>
		<p>7. Ngành nghề kỹ thuật, công nghệ.</p> <p>Biết Nêu được tên một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ. Biết được một số yêu cầu cơ bản về năng lực, kỹ năng và phẩm chất cần có trong các ngành nghề này.</p> <p>Hiểu Trình bày được yêu cầu, triển vọng và những thông tin chính về thị trường lao động của một số ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật – công nghệ. Giải thích được vai trò và tầm quan trọng của các ngành nghề này đối với sự phát triển kinh tế – xã hội hiện nay.</p> <p>Vận dụng Đánh giá được sự phù hợp của bản thân với một hoặc vài ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật – công nghệ. Xây dựng được định hướng học tập và rèn luyện kỹ năng cá nhân để đáp ứng yêu cầu của ngành nghề lựa chọn trong tương lai.</p>				<p>1TN</p> <p>1TN</p> <p>1TN*</p>
2	VẼ KỸ THUẬT	<p>8. Bản vẽ kỹ thuật và tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kỹ thuật</p> <p>Biết Trình bày được khái niệm về bản vẽ kỹ thuật. Nhận biết được vai trò của bản vẽ kỹ thuật trong học tập, sản xuất và đời sống.</p> <p>Hiểu</p>				<p>2TN</p> <p>1TL</p> <p>1TN* 1TN</p>

		<p>Mô tả được các tiêu chuẩn cơ bản trong trình bày bản vẽ kỹ thuật (khổ giấy, tỉ lệ, nét vẽ, chữ viết, khung tên...).</p> <p>Giải thích được ý nghĩa của việc tuân thủ các tiêu chuẩn trong bản vẽ kỹ thuật.</p> <p>Vận dụng</p> <p>Áp dụng được các tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kỹ thuật khi thực hành vẽ một bản vẽ đơn giản.</p> <p>Nhận xét và điều chỉnh được sai sót trong một bản vẽ theo đúng quy chuẩn kỹ thuật.</p>			
	9. Hình chiếu vuông góc	<p>Biết</p> <p>Nêu được khái niệm và mục đích của hình chiếu vuông góc.</p> <p>Nhận biết được các hình chiếu cơ bản của vật thể (hình chiếu đứng, hình chiếu bằng, hình chiếu cạnh).</p> <p>Hiểu</p> <p>Nắm được nội dung của phương pháp chiếu góc thứ nhất và phương pháp chiếu góc thứ ba.</p> <p>Giải thích được sự khác nhau giữa hai phương pháp chiếu này qua ví dụ minh họa.</p> <p>Vận dụng</p> <p>Vẽ được các hình chiếu vuông góc của vật thể theo đúng quy ước kỹ thuật.</p> <p>Xác định được vị trí và mối quan hệ giữa các hình chiếu của cùng một vật thể trong bản vẽ kỹ thuật.</p>	2TN		1TN 1TN* 1TL
Tổng số câu			12TN 1TL	10TN 1TL	6TN 1TL

(*) là vận dụng cao ý d) trong câu trắc nghiệm ĐÚNG/SAI

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ – CUỐI HỌC KÌ I
MÔN TIN HỌC 10. THỜI GIAN: 45 PHÚT

KHUNG MA TRẬN

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm	
			TNKQ-NLC			TNKQ-ĐS			Tự luận							
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD		
1	Chủ đề 5. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	5.1. Ngôn ngữ lập trình bậc cao Python	3 (1,2,3)	2 (4,5)	1 (6)							3	2	1	15% 1,5	
		5.2. Biến và lệnh gán	2 (7,8)	2 (9,10)	1 (11)	2 (1a,1b)	1 (1c)	1 (1d)				4	3	2	22,5% 2,25	
		5.3. Các lệnh vào/ra đơn giản	3 (12,13,14)	2 (15,16)	2 (17,18)								3	2	2	17,5% 1,75
		5.4. Câu lệnh rẽ nhánh if	2 (19,20)	1 (21)	2 (22,23)	2 (2a,2b)	1 (2c)	1 (2d)					4	2	3	22,5% 2,25
		5.5. Câu lệnh lặp for	2 (24,25)	2 (26,27)	1 (28)	2 (2a,2b)	1 (2c)	1 (2d)					4	3	2	22,5% 2,25
Tổng số câu và ý			12 câu	9 câu	7 câu	6 ý	3 ý	3 ý				18	12	10		
Tổng số điểm			3,0	2,25	1,75	1,5	0,75	0,75				4,5	3	2,5		
Tỉ lệ %			70%			30%						45%	30%	25%		

BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá			
				Trắc nghiệm khách quan			Thực hành/Tự luận
				MC (4-1)	YN (4-4)	Short Answer	
1	Chủ đề 5. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	5.1. Ngôn ngữ lập trình bậc cao Python	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> Nêu được khái niệm ngôn ngữ lập trình bậc cao và ngôn ngữ lập trình Python. Trình bày được sự khác nhau cơ bản giữa chế độ gõ lệnh trực tiếp và chế độ soạn thảo chương trình trong môi trường Python. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> Giải thích được vì sao Python được xem là ngôn ngữ lập trình bậc cao dựa trên các đặc điểm như cú pháp đơn giản, dễ đọc, đa dụng. Mô tả được quy trình nhập lệnh trực tiếp và quy trình tạo – lưu – chạy chương trình trong chế độ soạn thảo, chỉ ra ưu và nhược điểm của từng chế độ. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> Thực hiện được một số chương trình Python đơn giản bằng cả hai chế độ: gõ lệnh trực tiếp và soạn thảo chương trình. Vận dụng kiến thức đã học để tạo một tệp chương trình .py có chức năng đơn giản (ví dụ: tính toán, xử lý chuỗi, nhập và in dữ liệu). 	3 MC (B) (NLc) 2 MC (H) (NLc) 1 MC (V) (NLc)			
		5.2. Biến và lệnh gán	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được biến trong Python và phân biệt được biến với từ khóa. Nhận biết được lệnh gán trong Python. Nhận biết các kiểu dữ liệu cơ bản: số nguyên, số thực, xâu kí tự. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> Giải thích được cách thiết lập biến và quy tắc đặt tên biến trong Python. Mô tả được vai trò của lệnh gán và cách Python thực hiện gán giá trị cho biến. 	2 MC (B) (NLc) 2 MC (H) (NLc) 1 MC (V) (NLc)	1 YN (B,B,H,V) (NLc)		

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá			
				Trắc nghiệm khách quan			Thực hành/Tự luận
				MC (4-1)	YN (4-4)	Short Answer	
			<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được cách Python xử lí các phép toán trên số nguyên, số thực và xâu kí tự. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> – Thiết lập và sử dụng được biến trong các chương trình Python đơn giản. – Thực hiện đúng lệnh gán và sử dụng lệnh gán để cập nhật giá trị biến. – Thực hiện được các phép tính toán trên số nguyên, số thực và các thao tác với xâu kí tự (nối chuỗi, lặp chuỗi, lấy độ dài...). – Vận dụng kiến thức để viết một đoạn chương trình ngắn thực hiện tính toán hoặc xử lí xâu. 				
		5.3. Các lệnh vào/ra đơn giản	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được các lệnh vào/ra đơn giản trong Python (như input(), print()). – Nhận biết được các thao tác chuyển đổi kiểu dữ liệu cơ bản (như int(), float(), str()). <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được cách hoạt động của lệnh input() và print(), biết dữ liệu nhập vào luôn là kiểu chuỗi. – Mô tả được khi nào cần chuyển đổi kiểu dữ liệu (ví dụ: từ chuỗi sang số để tính toán). – Trình bày được vai trò và tác dụng của các hàm chuyển đổi kiểu dữ liệu trong Python. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> – Thực hiện được các lệnh vào/ra trong chương trình Python đơn giản. – Chuyển đổi đúng dữ liệu giữa các kiểu cơ bản (số nguyên, số thực, chuỗi) để phục vụ tính toán hoặc hiển thị. – Vận dụng kiến thức để viết chương trình nhập dữ liệu, chuyển đổi hợp lý và thực hiện tính toán hoặc xử lý kết quả. 	3 MC (B) (NLc) 2 MC (H) (NLc) 2 MC (V) (NLc)			

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá			
				Trắc nghiệm khách quan			Thực hành/Tự luận
				MC (4-1)	YN (4-4)	Short Answer	
			<ul style="list-style-type: none"> – Kết hợp lệnh vào/ra với chuyển đổi dữ liệu để giải quyết một bài toán thực tiễn (ví dụ: nhập điểm, tính trung bình, hiển thị kết quả). 				
		5.4. Câu lệnh rẽ nhánh if	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết và trình bày được các phép toán logic cơ bản trong Python (and, or, not). – Xác định được biểu thức điều kiện trong câu lệnh rẽ nhánh IF. – Xác định được câu lệnh rẽ nhánh IF trong các đoạn chương trình đơn giản. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được vai trò và ý nghĩa của các phép toán logic trong việc tạo ra biểu thức điều kiện. – Mô tả được cấu trúc của câu lệnh IF và cách hoạt động của nó trong chương trình Python. – Phân tích được biểu thức điều kiện để dự đoán nhánh lệnh được thực hiện. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng được các phép toán logic để tạo biểu thức điều kiện phù hợp cho từng bài toán. – Vận dụng được lệnh rẽ nhánh IF (bao gồm IF, IF...ELSE, IF...ELIF) trong một số bài toán đơn giản. – Xây dựng được đoạn chương trình Python có sử dụng biểu thức điều kiện và câu lệnh IF để giải quyết vấn đề thực tiễn (ví dụ: kiểm tra số chẵn/lẻ, tính điểm xếp loại, kiểm tra điều kiện vào môn học...). 	<p>2 MC (B) (NLc) 1 MC (H) (NLc) 2 MC (V) (NLc)</p>	<p>1 YN (B,B,H,V) (NLc)</p>		
		5.5. Câu lệnh lặp for	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết và xác định được vùng giá trị được tạo bởi lệnh range(). – Nhận biết được câu lệnh lặp for và cách dùng cơ bản trong Python. 	<p>2 MC (B) (NLc) 2 MC (H) (NLc) 1 MC (V)</p>	<p>1 YN (B,B,H,V) (NLc)</p>		

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá			
				Trắc nghiệm khách quan			Thực hành/Tự luận
				MC (4-1)	YN (4-4)	Short Answer	
			<p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được ý nghĩa của vùng giá trị do range() tạo ra (start → stop → step). – Giải thích được chức năng của lệnh lặp for và cách nó duyệt qua từng giá trị trong một dãy. – Mô tả được cách thức lặp của Python khi kết hợp for với range(). <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng đúng lệnh lặp for trong các bài toán cơ bản (in số, tính tổng, duyệt chuỗi, duyệt danh sách...). – Vận dụng lệnh for và range() để giải quyết bài toán thực tế (ví dụ: thống kê dữ liệu, tạo bảng cửu chương, tính tổng dãy số...). – Xây dựng được đoạn chương trình có sử dụng for lặp với nhiều cấu trúc range() khác nhau (range(n), range(a, b), range(a, b, step)). 	(NLc)			
Tổng				12 lệnh B 9 lệnh H 7 lệnh V	6 lệnh B 3 lệnh H 3 lệnh V		
Tỉ lệ %				18 B = 45%, 12 H = 30%, 10 VD = 25%			
Tỉ lệ chung				B + H = 75%		VD = 25%	

Lưu ý:

- Các câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao có thể ra vào một trong các đơn vị kiến thức.
- Với các câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận (lý thuyết/thực hành).

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2025 – 2026
MÔN: LỊCH SỬ - LỚP 10

I. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA: trắc nghiệm & tự luận

II. BẢNG ĐẶC TẢ, MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

1. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC									Tổng số câu hỏi TN	Tổng số câu hỏi TL	Tỉ lệ % (điểm)
			NHẬN BIẾT			THÔNG HIỂU			VẬN DỤNG					
			TN	Đ-S	TL	TN	Đ-S	TL	TN	Đ-S	TL			
1	Nền văn minh Phương Đông cổ Trung Đại	Thành tựu và ý nghĩa của Văn minh Trung Hoa - Ấn Độ	4		1							4	1	20 %
2	Văn minh phương Tây cổ Trung Đại	Thành tựu và ý nghĩa của Văn minh Phương Tây	4				1				1	5	1	30 %
3	Các cuộc cách mạng công nghiệp	Cách mạng công nghiệp thời cận đại	8				1				1	9	1	40%
		Cách mạng công nghiệp thời hiện đại					1					1		10%
Tổng			16				3				2	19	3	
Tỉ lệ % (điểm)			40%			30%			30%			100%		100%

2. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần KT		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Nền văn minh Phương Đông cổ Trung Đại	Thành tựu và ý nghĩa của Văn minh Trung Hoa - Ấn Độ	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được ý nghĩa của những thành tựu cơ bản của văn minh Trung Hoa: chữ viết, văn học nghệ thuật, sử học, khoa học tự nhiên, y học, thiên văn học, lịch pháp, tư tưởng, tôn giáo,... - Nêu được ý nghĩa của những thành tựu cơ bản của văn minh Ấn Độ: chữ viết, văn học nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo,... - Ảnh hưởng và tác động đến Việt Nam 	4TN 1TL		
2	Văn minh phương Tây cổ Trung Đại	Thành tựu và ý nghĩa của Văn minh Phương Tây	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách sưu tầm tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các nền văn minh phương Tây thời kì cổ – trung đại. - Nêu được ý nghĩa của những thành tựu cơ bản của văn minh Hy Lạp – La Mã: chữ viết, thiên văn học, lịch pháp, văn học, nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo, thể thao,... - Nêu được ý nghĩa của những thành tựu cơ bản của văn minh thời Phục hưng: tư tưởng, văn học, nghệ thuật, khoa học kĩ thuật, thiên văn học,... - Ý nghĩa của nền văn minh Phương Tây 	4TN	1DS	1TL
			<p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Hy Lạp – La Mã: điều kiện tự nhiên, dân cư, kinh tế, chính trị – xã hội, ảnh hưởng và giao lưu văn hoá,... - Phân tích được bối cảnh lịch sử, những tiền đề kinh tế, chính trị, xã hội,... hình thành Phong trào Văn hoá Phục hưng. 			
			<p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các nền văn minh phương Tây thời kì cổ – trung đại. <p>Vận dụng cao</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rút ra ý nghĩa vận dụng vào cuộc sống việc học tập của bản thân 			
3	Các cuộc cách mạng công nghiệp	Cách mạng công nghiệp thời cận đại	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất: phát minh và sử dụng máy hơi nước, động cơ đốt trong để cơ giới hoá sản xuất, phát triển giao thông vận tải,... 	8TN	1DS	1TL

		<p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách sưu tầm một số tư liệu để tìm hiểu về các cuộc cách mạng công nghiệp. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu về các cuộc cách mạng công nghiệp. - Phân tích được tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất với xã hội, văn hoá: sự phát triển của giai cấp tư sản công nghiệp và vô sản công nghiệp, quá trình đô thị hoá; những thay đổi về lối sống, văn hoá - Rút ra đặc trưng cơ bản của các cuộc cách mạng - Vận dụng những thành tựu cách mạng trong cuộc sống và học tập 			
		<p>2. Cách mạng lần thứ 2</p> <p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách sưu tầm một số tư liệu để tìm hiểu về các cuộc cách mạng công nghiệp. - Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ hai: sử dụng điện năng, động cơ điện gắn với quá trình điện khí hoá, sản xuất dây chuyền, sự phát triển của các ngành công nghiệp hoá chất, dầu mỏ, thép, điện lực, in ấn,... - Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp và lần thứ hai đối với sự phát triển kinh tế (tăng năng suất lao động, thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá,...). <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu về các cuộc cách mạng công nghiệp. - Phân tích được tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ hai đối với xã hội, văn hoá: sự phát triển của giai cấp tư sản công nghiệp và vô sản công nghiệp, quá trình đô thị hoá; những thay đổi về lối sống, văn hoá... - Có thái độ trân trọng những thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử. - Vận dụng được những hiểu biết về tác động hai mặt của Cách mạng công nghiệp để tuân thủ những quy định của pháp luật trong cách thức giao tiếp 			
	Cách mạng công nghiệp thời hiện đại	<p>1. Cách mạng lần thứ 3</p> <p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách sưu tầm một số tư liệu để tìm hiểu về các cuộc cách mạng công nghiệp. - Nêu được những thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp 		1ĐS	

		<p>lần thứ ba: tự động hoá dựa vào máy tính, thiết bị điện tử, công nghệ thông tin, Internet,...</p> <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu về các cuộc cách mạng công nghiệp. - Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba đối với sự phát triển kinh tế của thế giới thông qua ví dụ cụ thể. - Phân tích được tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư đối với xã hội, văn hoá. 			
		<p>2. Cách mạng lần thứ 4</p> <p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách sưu tầm một số tư liệu để tìm hiểu về các cuộc cách mạng công nghiệp. - Nêu được những thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư: sự phát triển kỹ thuật số, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học và sự phát triển của các công nghệ liên ngành, đa ngành,... <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu về các cuộc cách mạng công nghiệp. - Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đối với sự phát triển kinh tế của thế giới thông qua ví dụ cụ thể. - Phân tích được tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đối với xã hội, văn hoá. 			
	Số câu/ loại câu		16TN 1TL	3ĐS	2TL
	<i>Tỉ lệ %</i>		50%	30%	200%
	Tổng hợp chung		50%	30%	20%

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN ĐỊA LÍ - KHỐI 10

Tên chủ đề	Nhận biết			Thông hiểu			Vận dụng			
	TN 4 lựa chọn	TN dạng Đ - S	TL	TN 4 lựa chọn	TN dạng Đ - S	TL	TN 4 lựa chọn	TN dạng Đ - S	TL	
Hệ quả địa lí các chuyển động của trái đất	4				1					TN: 5 câu (2đ)
<i>Số câu: Số điểm: Tỉ lệ: %</i>	<i>Số câu: 4 Số điểm: 1.0 Tỉ lệ: 10%</i>				<i>Số câu: 1 Số điểm: 1.0 Tỉ lệ: 10%</i>					
Khí quyển	6				1					TN: 7 câu (2.5đ)
<i>Số câu: Số điểm: Tỉ lệ: %</i>	<i>Số câu: 6 Số điểm: 1.5 Tỉ lệ: 15%</i>				<i>Số câu: 1 Số điểm: 1.0 Tỉ lệ: 10%</i>					
Thủy quyển	6				1					TN: 7 câu (2.5đ)
<i>Số câu: Số điểm: Tỉ lệ: %</i>	<i>Số câu: 6 Số điểm: 1.5 Tỉ lệ: 15%</i>				<i>Số câu: 1 Số điểm: 1.0 Tỉ lệ: 10%</i>					
Kĩ năng vẽ và nhận xét biểu đồ									1	TL: 1 câu (3.0 đ)
<i>Số câu: Số điểm: Tỉ lệ: %</i>									<i>Số câu: 1 Số điểm: 3.0 Tỉ lệ: 30%</i>	
TS câu: TS điểm: Tỉ lệ: %	Số câu: 16; Số điểm: 4.0đ Tỉ lệ: 40%			Số câu: 3; Số điểm: 3.0đ Tỉ lệ: 30%			Số câu: 1; Số điểm: 3.0đ Tỉ lệ: 30%			

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

MÔN: ĐỊA LÍ - Lớp 10

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất	Hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất	Nhận biết - Trình bày được sự luân phiên ngày đêm và đặc điểm các mùa trong năm. Thông hiểu - Giải thích được nguyên nhân, biểu hiện của hiện tượng ngày đêm, dài ngắn theo mùa và theo vĩ độ.	4	1	
2	Khí quyển	Khí quyển, sự phân bố nhiệt độ không khí trên trái đất. Khí áp và gió.	Nhận biết - Trình bày được sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất theo vĩ độ địa lí; lục địa; đại dương; địa hình. - Trình bày được sự hình thành các đai khí áp trên Trái Đất, nguyên nhân thay đổi khí áp. Thông hiểu - Phân tích được bảng số liệu về yếu tố nhiệt độ của khí quyển.	6	1	
3	Thủy quyển	Thủy quyển, nước trên lục địa.	Nhận biết - Trình bày được chế độ nước của một con sông cụ thể. - Trình bày được đặc điểm chủ yếu của nước băng tuyết và nước ngầm. Thông hiểu - Hiểu được các giải pháp bảo vệ nguồn nước ngọt. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến chế độ nước sông. - Phân biệt được các loại hồ theo nguồn gốc hình thành.	6	1	
4	Kĩ năng vẽ và nhận xét biểu đồ		Vận dụng Nắm vững kĩ năng vẽ và nhận xét biểu đồ cột, đường			1
		Số câu/ loại câu		16 câu TNKQ	3 câu TN Đ-S	1 câu TL
		Tổng hợp chung		40%	30%	30%

MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ NỘI DUNG THEO NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I-Năm học: 2025-2026

MÔN GDKT v PL – KHỐI 10 (TRẮC NGHIỆM + TỰ LUẬN)

Thời gian làm bài: 45 phút

1. MA TRẬN

STT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Cấp độ tư duy - Mức độ đánh giá										Tổng số câu		Điểm số	
			PHẦN I (16 câu TN)			PHẦN II (3 câu TN ĐS)				PHẦN III (Tự luận 3 câu)			TL	TN		Tổng
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Biết	Hiểu	Vận dụng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
1	Chủ đề 3: Ngân sách Nhà nước và thuế	Bài 5: Ngân sách Nhà nước và thực hiện pháp luật về ngân sách	2				1						1TL (TLC3)	1	3	25,0%
		Bài 6: Thuế	2	2					1			1TL (TLC2)		1	5	30,0%
2	Chủ đề 4: Sản xuất kinh doanh và các mô hình SX kinh doanh	Bài 7: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	5	1							1TL (TLC1)			1	6	25,0%

STT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Cấp độ tư duy - Mức độ đánh giá										Tổng số câu		Điểm số	
			PHẦN I (16 câu TN)			PHẦN II (3 câu TN ĐS)				PHẦN III (Tự luận 3 câu)						
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Biết	Hiểu	Vận dụng	TL	TN	Tổng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
3	Chủ đề 5: Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng trong đời sống	Bài 8: Tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống	3	1				1 (ĐSC 1a,b,c ,d)							5	20,0%
4	Số câu TN/ Số ý TL (Số YCCĐ)		12TN	4TN			1TN	1TN	1TN	1TL	1TL	1TL	3	19		
6	Tổng số điểm		4,0 điểm			3,0 điểm				3,0 điểm					10 điểm	

Ghi chú:

+ **Phần 1:** 16 câu TNKQ 4 lựa chọn – 4,0 điểm

+ **Phần 2:** 3 câu TNĐS – 12 ý a) và b) – 3,0 điểm

+ **Phần 3:** 3 câu Tự Luận – 3,0 điểm

2. KHUNG BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I
MÔN: GDKT v PL KHỐI 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra đánh giá.	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề 3: Ngân sách Nhà nước và thuế	Bài 5: Ngân sách Nhà nước và thực hiện pháp luật về ngân sách	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm ngân sách Nhà nước, đặc điểm, vai trò của ngân sách Nhà nước. - Nêu được quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách Nhà nước và thuế. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được vai trò của ngân sách nhà nước đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. - Phân biệt được quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách. - Trình bày được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách nhà nước. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được mục đích của việc thu chi ngân sách Nhà nước. - Thực hiện được quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách. - Đánh giá được ý nghĩa của việc thực hiện đúng pháp luật về ngân sách nhà nước đối với cá nhân, gia đình và cộng đồng. 	2TN	1TN* (ĐSC3 a,b,c,d)	1TL (TL C3)	
		Bài 6: Thuế	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm và bản chất của thuế. - Kể được tên một số loại thuế phổ biến ở Việt Nam. - Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc thực hiện pháp luật thuế. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được mục đích thu thuế, phân biệt thuế trực thu – gián thu, hiểu quyền và nghĩa vụ công dân về thuế. - Trình bày được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện pháp luật về thuế. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định loại thuế trong tình huống thực tế, ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách Nhà nước và thuế. 	2TN	2TN 1TL (TLC2)	1TN* (ĐSC2 a,b,c,d)	

			- Phân tích, đề xuất cách thực hiện hoặc chính sách thuế hợp lý; liên hệ thuế với phát triển kinh tế – xã hội.				
2	Chủ đề 4: Sản xuất kinh doanh và các mô hình SX kinh doanh	Bài 7: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm và vai trò của sản xuất kinh doanh. - Nhận biết được một số mô hình sản xuất kinh doanh và đặc điểm cơ bản của hoạt động sản xuất kinh doanh. - Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về việc thành lập và hoạt động của các mô hình sản xuất kinh doanh. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được ý nghĩa của việc lựa chọn mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp với điều kiện thực tiễn. - Phân biệt được các mô hình sản xuất kinh doanh cơ bản (ví dụ: Doanh nghiệp với Hộ kinh doanh cá thể) dựa trên các tiêu chí như quy mô, số lượng thành viên, và trách nhiệm pháp lí. - Trình bày được trách nhiệm của công dân trong việc tuân thủ pháp luật khi tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh. 	5TN N 1TL (TLC 1)	1TN		
3	Chủ đề 5: Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng trong đời sống	Bài 8: Tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm và vai trò của tín dụng - Biết cách sử dụng một số dịch vụ tín dụng một cách có trách nhiệm. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được vai trò của tín dụng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. - Trình bày được trách nhiệm của công dân khi tham gia các quan hệ tín dụng, đặc biệt là nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc và lãi đúng hạn. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được nhu cầu và khả năng sử dụng tín dụng một cách hợp lí, hiệu quả cho các mục đích cụ thể (tiêu dùng, học tập, đầu tư nhỏ...). - Lập kế hoạch tài chính cá nhân đơn giản, có tính đến việc vay và trả nợ an toàn, tránh rơi vào "bẫy" tín dụng đen. - Đánh giá được ý nghĩa của việc thực hiện đúng pháp luật về tín dụng trong đời sống. 	3TN N	1TN	1TN * (ĐSC 1 a,b,c, d)	
Tổng số câu				12TN 1TL	4TN 1TN* 1TL	1TN* 1TL	1TN*
Tổng điểm				4,0	3,0	2,0	1,0

(*) là trắc nghiệm ĐÚNG/SAI, mỗi câu gồm 4 ý.

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I- NĂM HỌC: 2025 -2026

MÔN: GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG - KHỐI 10

- Nội dung: Chủ đề 3.4 GDĐP 10. Tỷ lệ kiến thức: 40% nhận biết, 30% thông hiểu, 30% vận dụng.
- Hình thức kiểm tra: Trực tiếp, 70% trắc nghiệm, 30% tự luận.
- Thời gian: 45 phút.

Stt	Chủ đề/Chương	Nội dung//Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá						Tổng			Tỷ lệ % điểm
			TNKQ			Tự luận			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng				
1	Chủ đề 3: Văn học dân gian Thành phố Hồ Chí Minh	- Đặc trưng của văn học dân gian.	2	1				1	4	3	1	50%
		- Một số thể loại văn học dân gian.	2	2								
2	Chủ đề 4: Chân dung nhân vật nghệ thuật ở Thành phố Hồ Chí Minh	- Một số nhân vật nghệ thuật ở Thành phố Hồ Chí Minh.	2	2				1	4	3	1	50%
		- Một số tác phẩm nghệ thuật.	2	1								
Tổng số câu			14			2			8	6	2	16
Tổng số điểm			7.0			3.0			4.0	3.0	3.0	10
Tỷ lệ %			70%			30%			40%	30%	30%	100%

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I- GDDP 10 - NĂM HỌC: 2025-2026

- Nội dung: Chủ đề 3.4 GDDP 10. Tỷ lệ kiến thức: 40% nhận biết, 30 % thông hiểu, 30 % vận dụng
- Hình thức kiểm tra: Trực tiếp, 70% trắc nghiệm, 30% tự luận.
- Thời gian: 45 phút.

Stt	Chủ đề/Chương	Nội dung đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá					
				Trắc nghiệm khách quan			Tự luận		
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	Chủ đề 3: Văn học dân gian Thành phố Hồ Chí Minh	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc trưng của văn học dân gian. - Một số thể loại văn học dân gian. 	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm của các thể loại văn học dân gian. - Biết được các đặc trưng cơ bản của từng loại VHDG. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích, so sánh được đặc trưng riêng biệt của từng loại văn học dân gian, ứng dụng của văn học dân gian trong đời sống. - Phân biệt được các thể loại văn học dân gian: ca dao, hò, lý... <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được sự giống và khác nhau về đặc trưng của VHDG ở Thành phố HCM và vùng đồng bằng sông Hồng. 	4	3				1

2	<p>Chủ đề 4: Chân dung nhân vật nghệ thuật ở Thành phố Hồ Chí Minh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Một số nhân vật nghệ thuật ở Thành phố Hồ Chí Minh. - Một số tác phẩm nghệ thuật. 	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được một số nhân vật nghệ thuật ở Thành phố Hồ Chí Minh. - Biết một số tác phẩm nghệ thuật, văn học ở Thành phố Hồ Chí Minh. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được về cuộc đời, sự nghiệp, đóng góp của một số nhân vật nghệ thuật tiêu biểu ở Thành phố Hồ Chí Minh. - Trình bày được thể loại, nội dung, hình thức... của một số tác phẩm nghệ thuật tiêu biểu ở Thành phố Hồ Chí Minh. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất một số biện pháp bảo tồn, phát huy và làm phong phú thêm kho tàng văn học dân gian ở Thành phố Hồ Chí Minh. 	4	3				1
Tổng số câu: 16				14		2			

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC: 2025-2026
MÔN: GDTC LỚP 10 – CẦU LÔNG

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. *Kiến thức*: Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong Chủ đề 1: Kỹ thuật phát cầu.
2. *Năng lực*: Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
3. *Phẩm chất*: Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

II. HÌNH THỨC VÀ SỐ CÂU KIỂM TRA

- Trắc nghiệm 10 câu (5 điểm) và thực hành (5 điểm)
- Thời gian làm bài: 45 phút.

III. MA TRẬN

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		Tổng điểm %	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		VD cao		Số CH			Thời gian (phút)
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
1	Chủ đề 1: Kỹ thuật phát cầu	Kỹ thuật phát cầu thuận tay.	1	1	1	1	3	3			5		5	50
		Kỹ thuật phát cầu trái tay.	1	1	1	1	3	3			5		5	
		Thực hành: Kỹ thuật phát cầu thuận tay.							1	15				25
		Thực hành: Kỹ thuật phát cầu trái tay.								1	20			25
Tổng			2	2	2	2	6	6			10		10	100
Tỉ lệ % mức độ nhận thức			10		10		30		50		50			

IV. BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2025-2026

Môn: GDTC Lớp 10 - CẦU LÔNG (Trắc nghiệm và Thực hành)

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề: Kỹ thuật phát cầu .	Kỹ thuật phát cầu thuận tay.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác kỹ thuật phát cầu thuận tay. - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học. 	1 (0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(0,5 đ)	
		Kỹ thuật phát cầu trái tay.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác kỹ thuật phát cầu trái tay. - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học. 	1(0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(0,5 đ)	
		Thực hành: Kỹ thuật phát cầu thuận tay.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông hiểu: Nắm được kỹ thuật phát cầu thuận tay. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu đánh cầu. 				1(2,5 đ)
		Thực hành: Kỹ thuật phát cầu trái tay	<ul style="list-style-type: none"> - Thông hiểu: Nắm được kỹ thuật phát cầu trái tay. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu cầu lông. 				1(2,5 đ)

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC: 2025-2026
MÔN: GDTC LỚP 10 – BƠI LỘI

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. *Kiến thức*: Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong kỹ thuật bơi ếch.
2. *Năng lực*: Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
3. *Phẩm chất*: Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

II. HÌNH THỨC VÀ SỐ CÂU KIỂM TRA

- Trắc nghiệm 10 câu (5 điểm) và thực hành (5 điểm)
- Thời gian làm bài: 45 phút.

III. MA TRẬN

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		Tổng điểm %	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		VD cao		Số CH			Thời gian (phút)
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
1	Kỹ thuật bơi ếch	Kỹ thuật quạt tay trong bơi ếch.	1	1	1	1	3	3			5		5	50
		Phối hợp tay – chân – thở trong bơi ếch.	1	1	1	1	3	3			5		5	
		Thực hành: Kỹ thuật quạt tay trong bơi ếch.							1	15				
		Thực hành: Phối hợp tay – chân – thở trong bơi ếch.								1	20			25
Tổng			2	2	2	2	6	6			10		10	100
Tỉ lệ % mức độ nhận thức			10		10		30		50		50			

IV. BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2025-2026

Môn: GDTC Lớp 10 – BOI LỢI (Trắc nghiệm và Thực hành)

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Kĩ thuật bơi ếch	Kĩ thuật quạt tay trong bơi ếch.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết: Nắm và thực hiện được các nhịp quạt tay trong bơi ếch.. - Thông hiểu: Thực hiện động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học. 	1 (0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(0,5 đ)	
		Phối hợp tay – chân – thở trong bơi ếch.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết: Nắm và thực hiện được các giai đoạn phối hợp tay – chân – thở trong bơi ếch. - Thông hiểu: Thực hiện các giai đoạn phối hợp nhịp nhàng, đúng nhịp điệu. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học. 	1(0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(0,5 đ)	
		Thực hành: Kĩ thuật quạt tay trong bơi ếch.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông hiểu: Nắm được các giai đoạn quạt tay trong kiểu bơi ếch. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày. 				1(2,5 đ)
		Thực hành: Phối hợp tay – chân – thở trong bơi ếch.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông hiểu: Phối hợp nhịp nhàng các giai đoạn phối hợp kiểu bơi ếch. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, tăng cường kĩ năng. 				1(2,5 đ)

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC: 2025-2026
MÔN: GDTC LỚP 10 – BÓNG CHUYỀN

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. *Kiến thức*: Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong Chủ đề 1: Kỹ thuật chuyên bóng thấp tay và phát bóng thấp tay.
2. *Năng lực*: Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
3. *Phẩm chất*: Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

II. HÌNH THỨC VÀ SỐ CÂU KIỂM TRA

- Trắc nghiệm 10 câu (5 điểm) và thực hành (5 điểm)
- Thời gian làm bài: 45 phút.

III. MA TRẬN

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		Tổng điểm %		
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		VD cao		Số CH			Thời gian (phút)	
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL			
1	Chủ đề 1: Kỹ thuật chuyên bóng thấp tay và phát bóng thấp tay	Kỹ thuật chuyên bóng thấp tay.	1	1	1	1	3	3			5		5	50	
		Kỹ thuật phát bóng thấp tay.	1	1	1	1	3	3			5		5		
		Thực hành: Kỹ thuật chuyên bóng thấp tay.							1	15					25
		Thực hành: Kỹ thuật phát bóng thấp tay.								1	20				25
Tổng			2	2	2	2	6	6			10		10	100	
Tỉ lệ % mức độ nhận thức			10		10		30		50		50				

IV. BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2025-2026

Môn: GDTC Lớp 10 – BÓNG CHUYỀN (Trắc nghiệm và Thực hành)

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề: Kĩ thuật chuyên bóng thấp tay và phát bóng thấp tay.	Kĩ thuật chuyên bóng thấp tay	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác kĩ thuật chuyên bóng thấp tay đúng kỹ thuật. - Thông hiểu: Thực hiện động tác đúng tư thế, có thể sửa lỗi sai cho bạn tập. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào luyện tập và thi đấu thực tế. - Vận dụng cao: Phối hợp kỹ thuật linh hoạt trong thi đấu và tập luyện. 	1 (0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(0,5 đ)	
		Kĩ thuật phát bóng thấp tay	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác kĩ thuật phát bóng thấp tay đúng kỹ thuật. - Thông hiểu: Thực hiện động tác đúng tư thế, có thể sửa lỗi sai cho bạn tập. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào luyện tập và thi đấu thực tế. - Vận dụng cao: Phối hợp kỹ thuật linh hoạt trong thi đấu và tập luyện. 	1(0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(0,5 đ)	
		Thực hành: Kĩ thuật chuyên bóng thấp tay	<ul style="list-style-type: none"> - Thông hiểu: Nắm được một số trò chơi chuyên bóng. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bóng chuyên. 				1(2,5 đ)
		Thực hành: Kĩ thuật phát bóng thấp tay	<ul style="list-style-type: none"> - Thông hiểu: Nắm được một số trò chơi phát bóng. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bóng chuyên. 				1(2,5 đ)

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC: 2025-2026
MÔN: GDTC LỚP 10 – BÓNG ĐÁ

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. *Kiến thức*: Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong Chủ đề 2: Kỹ thuật đá bóng.
2. *Năng lực*: Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
3. *Phẩm chất*: Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

II. HÌNH THỨC VÀ SỐ CÂU KIỂM TRA

- Trắc nghiệm 10 câu (5 điểm) và thực hành (5 điểm)
- Thời gian làm bài: 45 phút.

III. MA TRẬN

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		Tổng điểm %	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		VD cao		Số CH			Thời gian (phút)
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
1	Chủ đề 2: Kỹ thuật đá bóng	Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân.	1	1	1	1	3	3			5		5	50
		Kỹ thuật đá bóng bằng mu giữa bàn chân.	1	1	1	1	3	3			5		5	
		Thực hành: Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân.							1	17				
		Thực hành: Kỹ thuật đá bóng bằng mu giữa bàn chân.								1	18			25
Tổng			2	2	2	2	6	6			10		10	100
Tỉ lệ % mức độ nhận thức			10		10		30		50		50			

IV. BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2025-2026

Môn: GDTC Lớp 10 – BÓNG ĐÁ (Trắc nghiệm và Thực hành)

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề: Kĩ thuật đá bóng.	Kĩ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác kĩ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân. - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học. 	1 (0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(0,5 đ)	
		Kĩ thuật đá bóng bằng mu giữa bàn chân.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác kĩ thuật đá bóng bằng mu giữa bàn chân. - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học. 	1(0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(0,5 đ)	
		Thực hành: Kĩ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông hiểu: Nắm được kĩ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bóng đá. 				1(2,5 đ)
		Thực hành: Kĩ thuật đá bóng bằng mu giữa bàn chân.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông hiểu: Nắm được kĩ thuật đá bóng bằng mu giữa bàn chân. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bóng đá. 				1(2,5 đ)

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC: 2025-2026
MÔN: GDTC LỚP 10 – MÔN BÓNG RỔ

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. *Kiến thức*: Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong Chủ đề 1: Kỹ thuật dẫn bóng và ném rổ.
2. *Năng lực*: Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
3. *Phẩm chất*: Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

II. HÌNH THỨC VÀ SỐ CÂU KIỂM TRA

- Trắc nghiệm 10 câu (5 điểm) và thực hành (5 điểm)
- Thời gian làm bài: 45 phút.

III. MA TRẬN

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		Tổng điểm %		
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		VD cao		Số CH			Thời gian (phút)	
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL			
1	Chủ đề 1: Kỹ thuật dẫn bóng, chuyên bóng và ném rổ	Kỹ thuật dẫn bóng, chuyên bóng.	1	1	1	1	3	3			5		5	50	
		Kỹ thuật ném rổ.	1	1	1	1	3	3			5		5		
		Thực hành: Kỹ thuật dẫn bóng, chuyên bóng.							1	15					25
		Thực hành: Kỹ thuật ném rổ.								1	20				25
Tổng			2	2	2	2	6	6			10		10	100	
Tỉ lệ % mức độ nhận thức			10		10		30		50		50				

IV. BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2025-2026

Môn: GDTC Lớp 10 (Trắc nghiệm và Thực hành)

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề: Kĩ thuật dẫn bóng ,chuyền bóng và ném rổ.	Kĩ thuật dẫn bóng,chuyền bóng	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác kĩ thuật dẫn bóng,chuyền bóng đúng kỹ thuật. - Thông hiểu: Thực hiện động tác đúng tư thế, có thể sửa lỗi sai cho bạn tập. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào luyện tập và thi đấu thực tế. - Vận dụng cao: Phối hợp kỹ thuật linh hoạt trong thi đấu và tập luyện. 	1 (0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(0,5 đ)	
		Kĩ thuật ném rổ	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác kĩ thuật ném rổ đúng kỹ thuật. - Thông hiểu: Thực hiện động tác đúng tư thế, có thể sửa lỗi sai cho bạn tập. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào luyện tập và thi đấu thực tế. - Vận dụng cao: Phối hợp kỹ thuật linh hoạt trong thi đấu và tập luyện. 	1(0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(0,5 đ)	
		Thực hành: Kĩ thuật dẫn bóng, chuyền bóng	<ul style="list-style-type: none"> - Thông hiểu: Nắm được một số trò chơi dẫn bóng,cuyền bóng. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bóng rổ. 				1(2,5 đ)
		Thực hành: Kĩ thuật ném rổ	<ul style="list-style-type: none"> - Thông hiểu: Nắm được một số trò chơi ném rổ. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bóng rổ. 				1(2,5 đ)

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC: 2025-2026

MÔN: GDQP&AN - LỚP 10

I. Mục đích yêu cầu:

1. Kiến thức: Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong bài 3, bài 4, bài 5, bài 6.

2. Năng lực: Đánh giá năng lực, nhận thức và tư duy qua những nội dung đã học, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học thông qua hệ thống câu hỏi kiểm tra.

3. Phẩm chất: Giáo dục ý thức trung thực, tự giác, nghiêm túc trong quá trình kiểm tra.

II. Hình thức và số câu kiểm tra:

- Trắc nghiệm 40 câu (10 điểm).

- Thời gian làm bài: 45 phút.

III. MA TRẬN

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		Tổng điểm %	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		VD cao		Số CH			Thời gian (phút)
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	T L		
1	Bài 3: Ma túy, tác hại của ma túy	Quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy.	2	1,5	1	1,5	1	1,5			4		4,5	25
		Tác hại của ma túy và những hình thức, con đường gây nghiện	2	1,5	1	1,5	1	1,5			4		4,5	
		Trách nhiệm của học sinh đối với việc phòng, chống ma túy.			1	1,5	1	1,5			2		3	
2	Bài 4. Phòng, chống vi	Nhận thức chung về trật tự an toàn giao thông	2	1,5	2	2,5	1	1,5			5		5,5	

	phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông.	Trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện các quy định về trật tự an toàn giao thông	2	1,5	2	2,5	1	1,5			5	5,5	25
3	Bài 5: Bảo vệ an ninh Quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội	Tình hình bảo vệ an ninh Quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong giai đoạn hiện nay	2	1,5	2	2,5	1	1,5			5	5,5	25
		Trách nhiệm trong việc bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội	2	1,5	2	2,5	1	1,5			5	5,5	
4	Bài 6: Một số hiểu biết về an ninh mạng	Một số khái niệm và nội dung cơ bản của luật an ninh mạng	2	1,5	2	2,5	1	1,5			5	5,5	25
		Bảo mật thông tin cá nhân trên không gian mạng	2	1,5	2	2,5	1	1,5			5	5,5	
Tổng			16	12	15	19,5	9	13,5			40	45	100
Tỉ lệ % mức độ nhận thức			40		37,5		22,5				100		

IV. BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2025-2026

Môn: GDQP&AN- lớp 10 (Trắc nghiệm)

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề 1: MA TÚY, TÁC HẠI CỦA MA TÚY	Quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy.	<p>Nhận biết: Hiểu được một số khái niệm cơ bản về chất ma túy, nhận biết được một số loại ma túy phổ biến trong xã hội hiện nay</p> <p>Thông hiểu: Hiểu được cách nhận biết một số loại ma túy, hình thức con đường gây nghiện. Một số nguyên nhân dẫn đến nghiện ma túy của học sinh</p> <p>Vận dụng: Nhận biết được một số loại ma túy, một số biểu hiện của người nghiện ma túy trong đời sống thường ngày</p>	2(0,51đ)	1(0,25đ)	1(0,25đ)	
		Tác hại của ma túy và những hình thức, con đường gây nghiện	<p>Nhận biết: Hiểu được một số tác hại của ma túy, tác động đến sức khỏe người nghiện</p> <p>Thông hiểu: Hiểu được cách thức và con đường dẫn đến nghiện ma túy</p> <p>Vận dụng: Vận dụng vào thực tế để tuyên truyền vận động người thân và những người xung quanh về tác hại của ma túy</p>	2(0,51đ)	1(0,25đ)	1(0,25đ)	
		Trách nhiệm của học sinh đối với việc phòng, chống ma túy.	<p>Thông hiểu: Hiểu được cách nhận biết một số loại ma túy, hình thức con đường gây nghiện. Một số nguyên nhân dẫn đến nghiện ma túy của học sinh</p> <p>Vận dụng: Nhận biết được một số loại ma túy, một số biểu hiện của người nghiện ma túy trong đời sống thường ngày</p>		1(0,25đ)	1(0,25đ)	

2	Chủ đề: 2 PHÒNG CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG	Nhận thức chung về trật tự an toàn giao thông	<p>Nhận biết: Nắm được một số qui định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa</p> <p>Thông hiểu: Hiểu được các khái niệm cơ bản, phân biệt các khái niệm về trật tự an toàn giao thông</p> <p>Vận dụng: Nhận biết hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, Nhận biết, phân biệt các kí hiệu biển báo giao thông</p>	2(0,5đ)	2(0,5đ)	1(0,25 đ)	
		Trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện các quy định về trật tự an toàn giao thông	<p>Nhận biết: Nắm được một số trách nhiệm của bản thân về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa</p> <p>Thông hiểu: Hiểu được trách nhiệm cá nhân trong việc thực hiện luật an toàn giao thông</p> <p>Vận dụng: Vận dụng vào thực tế cuộc sống khi tham gia giao thông ngoài xã hội</p>	2(0,5đ)	2(0,5đ)	1(0,25 đ)	
3	Chủ đề: 3 BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI	Tình hình bảo vệ an ninh Quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong giai đoạn hiện nay	<p>Nhận biết: Nhận biết được một số khái niệm về an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội</p> <p>Thông hiểu: Nắm được một số vấn đề về tình hình an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội hiện nay ở Việt Nam</p> <p>Vận dụng: Cách nhận biết biểu hiện, hành vi liên quan đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội</p>	2(0,5đ)	2(0,5đ)	1(0,25 đ)	
		Trách nhiệm trong việc bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội	<p>Nhận biết: Nắm được tình hình bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội</p> <p>Thông hiểu: Hiểu được trách nhiệm của Đảng, nhà nước và lực lượng vũ trang về bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội</p>	2(0,5đ)	2(0,5đ)		

			<p>Vận dụng: Thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội</p>			1(0,25đ)	
4	<p>Chủ đề 4: MỘT SỐ HIỂU BIẾT VỀ AN NINH MẠNG</p>	<p>Một số khái niệm và nội dung cơ bản của luật an ninh mạng</p>	<p>Nhận biết: Nhận biết được được một khái niệm về an ninh mạng</p> <p>Thông hiểu: Nắm được một số nội dung bị nghiêm cấm về an ninh mạng</p> <p>Vận dụng: Thể hiện trách nhiệm của công dân khi tham gia hoạt động trên không gian mạng</p>	2(0,5đ)	2(0,5đ)	1(0,25đ)	
		<p>Bảo mật thông tin cá nhân trên không gian mạng</p>	<p>Nhận biết: Nắm được các nội dung liên quan đến thông tin cá nhân khi tham gia không gian mạng</p> <p>Thông hiểu: Nắm được các bước thực hiện bảo mật thông tin các nhân trên không gian mạng</p> <p>Vận dụng: Thực hiện và nhận biết được các hoạt động vi phạm khi tham gia không gian mạng</p>	2(0,5đ)	2(0,5đ)	1(0,25đ)	
Tổng số câu, điểm				16 4,00 đ	15 3,75	9 2,25 đ	
Tỉ lệ % các mức độ nhận thức				40%	37,5%	22,5%	

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ
KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

Môn: Mỹ thuật 10
Năm học: 2025 - 2026

Bản đặc tả đánh giá sản phẩm

Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Hình thức đánh giá	
			Thường xuyên	Định kỳ
Thiết kế thời trang	Thẻ loại – Vẽ mẫu thời trang.	Nhận biết: – Nhận biết được đặc điểm vẽ mẫu thời trang và loại trang phục đã lựa chọn mẫu trang phục đơn giản.	X	X
	Hoạt động thực hành và thảo luận Thực hành – Tập phác thảo mẫu trang phục đơn giản	Thông hiểu: – Lựa chọn được loại trang phục để thực hành, sáng tạo	X	X
	Thảo luận – Đặc điểm vẽ mẫu thời trang. – Sản phẩm thực hành của học sinh.	– Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá sản phẩm – Giới thiệu được ý tưởng thẩm mỹ ở sản phẩm, tác phẩm mẫu trang phục trong giới hạn chủ đề	X	
	Định hướng chủ đề – Tự chọn.	Vận dụng – Thực hiện được phác thảo và hoàn thiện thiết kế mẫu trang phục đơn giản	X	X
		– Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lý tạo hình trong thực hành, sáng tạo	X	X
		– Bước đầu kết hợp được sáng tạo và ứng dụng ở sản phẩm	X	X

**ĐẶC TẢ NỘI DUNG ÂM NHẠC LỚP 10 CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC: 2025-2026**

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Hình thức đánh giá	
				Thường xuyên	Định kì
1	Hát	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Khát vọng tuổi trẻ</i> (Nhạc và lời: Vũ Hoàng) - <i>Nhớ ơn thầy cô</i> (Nhạc và lời: Nguyễn Ngọc Thiện) - <i>Lí đất dòng</i> (Dân ca Nam Bộ) 	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được tên bài hát, tên tác giả, nội dung, thể loại hoặc giá trị nghệ thuật của bài hát. - Nhận biết được câu, đoạn trong bài hát có hình thức rõ ràng. 	x	x
			Thông hiểu: <ul style="list-style-type: none"> - Cảm nhận được sắc thái và tình cảm của bài hát, sự hoà quyện của các bè. - Biết nhận xét, đánh giá về việc trình diễn bài hát của bản thân hoặc người khác. 	x	
			Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái. 	x	x
			<ul style="list-style-type: none"> - Hát rõ lời và thuộc lời; điều tiết hơi thở hợp lí; mở rộng âm vực; duy trì được tốc độ ổn định. 	x	x
			<ul style="list-style-type: none"> - Biết hát đơn ca, song ca; hát tốp ca, đồng ca với 2 hoặc 3 bè đơn giản. - Biết điều chỉnh giọng hát để tạo nên sự hài hoà; biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc 	x	x
			<ul style="list-style-type: none"> - Biết hát hợp xướng đơn giản - Biết hát kết hợp gõ đệm, vận động hoặc đánh nhịp - Biết dàn dựng và biểu diễn bài hát ở trong và ngoài nhà trường. 	x	x

2	Nghe nhạc	<p>- Lí hoài nam (dân ca Quảng Trị – Thừa Thiên)</p> <p>- Trích đoạn Giao hưởng 101 (tác giả Joseph Haydn).</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra tên bản nhạc và tên tác giả từ một vài nét nhạc điển hình. - Liệt kê được một số loại nhạc cụ tham gia hoà tấu nhạc không lời. 	X	
			<p>Thông hiểu:</p> <p>Cảm nhận và đánh giá được vẻ đẹp, giá trị nghệ thuật của tác phẩm âm nhạc.</p>	X	
			<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biểu lộ thái độ và cảm xúc khi nghe nhạc. - Nhắc lại được chủ đề chính của bản nhạc. - Biết vận động cơ thể hoặc gõ đệm phù hợp với nhịp điệu. - Biết tưởng tượng khi nghe nhạc. 	X	
				X	
3	Đọc nhạc	<p>Giọng Son trưởng, Mi thứ.</p> <p>Bài luyện tập cơ bản về quãng, về tiết tấu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài đọc nhạc số 1 - Bài đọc nhạc số 2 - Bài đọc nhạc số 3 	<p>Nhận biết:</p> <p>Đọc đúng được cao độ gam Son trưởng, Mi thứ.</p>	X	
			<p>Thông hiểu:</p> <p>Giải thích được ý nghĩa của các kí hiệu trong bài đọc nhạc; phân biệt và giải thích được sự giống nhau hoặc khác nhau của các nét nhạc.</p>	X	
			<p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc đúng giai điệu và thể hiện được tính chất âm nhạc của bài đọc nhạc có 1 dấu thăng hoặc có 1 dấu giáng ở hoá biểu. Phân biệt được màu sắc âm nhạc của điệu trưởng và điệu thứ. - Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm hoặc đánh nhịp. - Tự đọc được một số giai điệu đơn giản viết ở các giọng có 1 dấu thăng hoặc 1 dấu giáng; vận dụng kĩ năng đọc nhạc khi hát và chơi nhạc cụ. 	X X	X
	X	X			

4	Nhạc cụ	Các bài tập tiết tấu, giai điệu và hoà âm.	Nhận biết: - Biết hơi nhạc cụ đúng tư thế.	X	
		<i>Bài nhạc cụ thể hiện tiết tấu, giai điệu và hoà âm của Chủ đề 1.</i>	Thông hiểu: - Biết nhận xét về cách chơi nhạc cụ của bản thân hoặc người khác. - Biết bảo quản nhạc cụ và điều chỉnh âm thanh đúng cách.	X	
		<i>Bài nhạc cụ thể hiện tiết tấu, giai điệu và hoà âm của Chủ đề 2.</i>		X	
		<i>Bài nhạc cụ thể hiện tiết tấu, giai điệu và hoà âm của Chủ đề 3</i>	Vận dụng: - Biết chơi nhạc cụ đúng kỹ thuật. - Tự làm được nhạc cụ gõ từ chất liệu có sẵn. - Thể hiện đúng cao độ, trường độ, sắc thái các bài tập tiết tấu, giai điệu, hòa âm; duy trì được tốc độ ổn định. - Biết chơi nhạc cụ với hình thức độc tấu và hoà tấu. - Bước đầu biết xác định tiết điệu và đặt hợp âm chính cho bản nhạc; biết ứng tác và biến tấu đơn giản khi chơi nhạc cụ. - Biết điều chỉnh cường độ để tạo nên sự hài hoà; biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc. - Biết kết hợp các loại nhạc cụ để hoà tấu hoặc đệm cho bài hát. - Biết biểu diễn nhạc cụ ở trong và ngoài nhà trường với hình thức phù hợp.	X X X X X X X	X X X X X X
5	Lí thuyết âm nhạc	- Quãng hoà thanh, quãng giai điệu, các loại quãng (quãng đơn, quãng diatonic), tính chất các quãng. - Sơ lược về điệu thức (trường và thứ tự nhiên, thứ hoà thanh); giọng và	Nhận biết: - Nhận biết được các loại quãng (quãng đơn, quãng diatonic), biết tính chất các quãng. - Nhận biết được bản nhạc viết ở giọng Son trưởng, Mi thứ. - Nhận biết được một số hợp âm của các giọng: Son trưởng, Mi thứ.	X X X	

		gam. - Giọng và gam: Son trưởng, Mi thứ. - Một số hợp âm của các giọng: Son trưởng, Mi thứ	Thông hiểu: - Giải thích được một số thuật ngữ âm nhạc. - Cảm nhận được sự khác nhau về tính chất âm nhạc giữa giọng trưởng và giọng thứ, sự hoà quyện của các âm trong hợp âm.	X	
			Vận dụng: - Biết ghi chép các bản nhạc. - Biết vận dụng kiến thức đã học khi hát, đọc nhạc, chơi nhạc cụ, tìm hiểu bản nhạc,...	X X	
6	Thường thức âm nhạc	1. Thể loại âm nhạc - Sơ lược về âm nhạc giao hưởng. - Một số đặc điểm của âm nhạc giao hưởng.	Nhận biết: - Nhận biết các tác phẩm âm nhạc giao hưởng.	X	
			Thông hiểu: - Nêu được đặc điểm của một số thể loại nhạc giao hưởng. - Liệt kê được một số loại nhạc cụ trong dàn nhạc giao hưởng.	X X	
			Vận dụng: Cảm nhận được giá trị nghệ thuật của một số tác phẩm âm nhạc giao hưởng.	X	
			Nhận biết: Nhận biết một số giai đoạn lịch sử âm nhạc phương Tây	X	
	2. Âm nhạc và đời sống:	- Các giai đoạn lịch sử âm nhạc phương Tây.	Thông hiểu: - Nêu được vài nét về các giai đoạn lịch sử âm nhạc phương Tây; kể được tên một số nhạc sĩ tiêu biểu của từng giai đoạn.	X	
			Vận dụng: - Cảm nhận được giá trị nghệ thuật của một số tác phẩm âm nhạc.	X	

